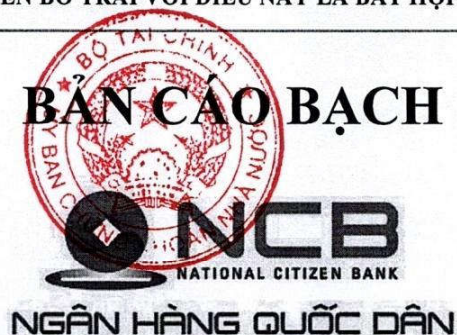


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số¹³...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ¹² tháng ⁰² năm ²⁰¹⁹..)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày:/...../..... tại:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN (NCB)

Trụ sở chính: 28C – 28D phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6269 3355 - Fax: (84-24) 6269 3535 - Website: www.ncb-bank.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS)

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3772 6699 - Fax: (84-24) 3772 6763 - Website: eves.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Vũ Mạnh Tiến

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: (084-24) 6269 3355

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá bán cho cổ đông hiện hữu	: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá bán cho cán bộ nhân viên	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 199.438.599 cổ phần

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu	: 184.555.122 cổ phần
- Chào bán cho cán bộ nhân viên	: 14.883.477 cổ phần

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Trụ sở chính : Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3772 6699 Fax: (84-24) 3772 6763

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3832 8964 Fax: (84-8) 3834 2957

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
DANH SÁCH CÁC BẢNG	4
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro kinh tế	6
2. Rủi ro về lãi suất	7
3. Rủi ro về tín dụng	7
4. Rủi ro về ngoại hối.....	8
5. Rủi ro về thị trường và thanh khoản	8
6. Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng.....	9
7. Rủi ro luật pháp.....	9
8. Rủi ro hoạt động.....	9
9. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	10
10. Rủi ro pha loãng cổ phiếu	10
11. Rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 12	
1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân.....	12
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	12
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1. Thông tin chung	15
1.2. Lịch sử hình thành phát triển	16
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng	16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	27
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	28
5. Quá trình tăng vốn của Ngân hàng.....	29
6. Hoạt động kinh doanh.....	30
6.1 Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng.....	30
6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn.....	53
6.3 Thị trường hoạt động	54
6.3.1 Mạng lưới chi nhánh	54
6.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng	59
6.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh	60

6.3.4 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	61
7. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, 2017 và năm 2018.....	62
8. Vị thế của NCB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ngân hàng	66
8.1. Vị thế của NCB trong ngành ngân hàng	66
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	67
8.3. Đánh giá sự phù hợp trong định hướng phát triển của NCB so với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	68
9. Chính sách đối với người lao động	68
9.1 Số lượng và cơ cấu lao động.....	68
9.2 Chế độ làm việc, chính sách đãi ngộ người lao động.....	69
9.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.....	70
10. Chính sách cổ tức.....	70
11. Tình hình tài chính.....	71
12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	73
12.1 Hội đồng Quản trị	73
12.2 Ban kiểm soát.....	83
12.3 Ban Tổng Giám đốc.....	87
13. Tài sản.....	95
13.1 Tài sản cố định hữu hình.....	95
13.2 Tài sản cố định vô hình.....	95
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	96
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	98
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	98
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	98
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:	99
Không có.....	99
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	100
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	105
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	105
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	108
IX. PHỤ LỤC.....	108

DANH SÁCH CÁC BẢNG

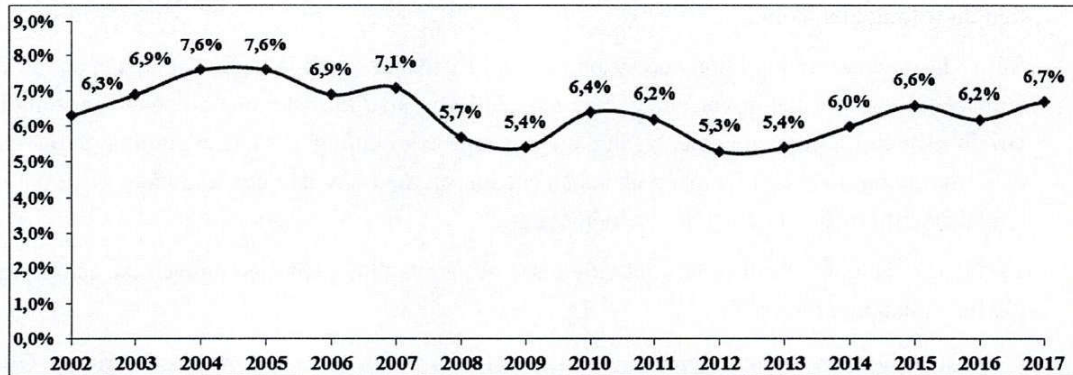
Bảng 1: EPS và Giá trị sổ sách trước và sau khi phát hành	11
Bảng 2: Chức năng và nhiệm vụ của các Khối/Trung tâm/Ban	20
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%	27
Bảng 4: Danh sách cổ đông là người có liên quan đến cổ đông lớn	27
Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập	27
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/10/2018	28
Bảng 7: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng	29
Bảng 8: Cơ cấu huy động của NCB tại báo cáo tài chính hợp nhất	40
Bảng 9: Cơ cấu huy động của NCB tại báo cáo tài chính công ty mẹ	41
Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất	42
Bảng 11: Cấu tiền gửi của khách hàng tại báo cáo tài chính công ty mẹ	43
Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi và vay các TCTD khác tại báo cáo tài chính hợp nhất	44
Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay tại báo cáo tài chính hợp nhất	45
Bảng 14: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng theo báo cáo tài chính hợp nhất	45
Bảng 15: Dư nợ cho vay theo mục đích vay theo báo cáo tài chính hợp nhất	46
Bảng 16: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo tài chính hợp nhất	47
Bảng 17: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu (sau khi tham chiếu nhóm nợ cao hơn tại TCTD khác)	48
Bảng 18: Trích lập dự phòng theo các nhóm nợ	49
Bảng 19: Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và các cam kết ngoại bảng theo báo cáo tài chính hợp nhất	49
Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối theo báo cáo tài chính hợp nhất	50
Bảng 21: Kết quả hoạt động đầu tư theo báo cáo tài chính hợp nhất	51
Bảng 22: Chứng khoán đầu tư theo báo cáo tài chính hợp nhất	52
Bảng 23: Danh mục góp vốn đầu tư dài hạn khác theo báo cáo tài chính hợp nhất	52
Bảng 24: Danh mục góp vốn đầu tư dài hạn khác theo báo cáo tài chính của công ty mẹ	52
Bảng 25: Thu từ bảo lãnh phát hành theo báo cáo tài chính hợp nhất	53
Bảng 26: Danh sách các chi nhánh, phòng giao dịch	54
Bảng 27: Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất	62
Bảng 28: Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính của công ty mẹ	64
Bảng 29: Cơ cấu lao động	68
Bảng 30: Tình hình chi trả cổ tức	71
Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo báo cáo tài chính hợp nhất	72
Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo báo cáo tài chính công ty mẹ	72
Bảng 33: Thống kê tài sản cố định hữu hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính hợp nhất	95

Bảng 34: Thống kê tài sản cố định hữu hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính công ty mẹ	95
Bảng 35: Thống kê tài sản cố định vô hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính hợp nhất	96
Bảng 36: Thống kê tài sản cố định vô hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính công ty mẹ.	96
Bảng 37: Kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo	96
Bảng 38: Cam kết ngoại bảng theo báo cáo tài chính hợp nhất	98
Bảng 39: Cam kết ngoại bảng theo báo cáo tài chính công ty mẹ	99
Bảng 40: Kế hoạch sử dụng vốn đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu	106
Bảng 41: Kế hoạch sử dụng vốn đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ.....	106

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Từ năm 2002-2007 nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá ổn định và đều đặn. Kể từ năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam cũng bước vào giai đoạn giảm tốc đáng kể. Cùng với sự suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) mỗi năm, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước đối mặt với nhiều vấn đề bất ổn như lạm phát, lãi suất tăng cao đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Giai đoạn từ năm 2010-2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần qua các năm và bình quân chỉ đạt 5,9%/năm đã cho thấy nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính, những tín hiệu phục hồi tăng trưởng và ổn định vĩ mô vẫn còn mong manh.

Giai đoạn từ năm 2013 – 2015 kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã dần ổn định, phục hồi, lạm phát suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn, tăng trưởng khá tích cực với tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,68% vào năm 2015.

Trong giai đoạn từ năm 2016 – 2017, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. GDP năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2016.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%.

Việc áp dụng và điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho NCB nói riêng.

2. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Rủi ro lãi suất xảy ra khi không có sự phù hợp về kỳ hạn thay đổi lãi suất của tài sản có (sử dụng vốn) và tài sản nợ (nguồn vốn) nhạy cảm lãi suất hoặc là sự thay đổi của lãi suất thị trường khác với dự kiến của Ngân hàng hoặc Ngân hàng duy trì các hợp đồng có lãi suất cố định nhưng không được dự phòng hoặc có biện pháp che chắn (hedging), điều này dẫn đến khả năng giảm thu nhập khi lãi suất thị trường có thay đổi và biến động.

Tại NCB, việc quản lý rủi ro lãi suất luôn được đề cao và thực hiện theo nguyên tắc cẩn trọng với các biện pháp hữu hiệu như:

- Quản lý rủi ro lãi suất tập trung vốn tại Hội sở thông qua Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban ALCO, Ban Pháp chế tuân thủ. Xây dựng hệ thống báo cáo xuyên suốt từ từng phòng ban tại Hội sở đến hệ thống các chi nhánh. Đảm bảo toàn Ngân hàng đều nắm bắt và xử lý kịp thời khi có biến động về lãi suất.
- Xây dựng các công cụ để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất bao gồm: biểu đồ lệch kỳ hạn thay đổi lãi suất; thời lượng của tài sản nợ và tài sản có; hệ số nhạy cảm; ...
- Thực hiện báo cáo các chỉ số hàng ngày, hàng tuần cho từng loại: trái phiếu, thị trường tiền tệ liên Ngân hàng, tín dụng và huy động vốn,... để đưa ra những nhận định về diễn biến xu hướng của lãi suất trên thị trường.
- Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa cũng như bù đắp rủi ro biến động lãi suất như: áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu thị trường; tham gia các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai và hợp đồng hoán đổi lãi suất.

3. Rủi ro về tín dụng

NCB đã tổ chức ứng dụng mô hình 3 tuyến phòng thủ vào hoạt động quản trị của ngân hàng đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tránh chồng chéo, tăng ý thức trách nhiệm của toàn ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Cụ thể:

- Để kiểm soát tốt rủi ro, hạn chế phát sinh lỗi do sai sót/cố ý vi phạm, NCB đã tổ chức tập trung tại Hội sở các chức năng: kế toán - tài chính, nhân sự, công nghệ thông tin, đồng thời tiếp tục dịch chuyển dần các chức năng thẩm định, phê duyệt, tác nghiệp tín dụng theo hướng chuyên môn hóa và tập trung tại Hội sở.
- Chức năng, quyền hạn tiếp tục được phân tách rõ ràng giữa bộ máy phê duyệt cấp tín dụng và bộ máy phê duyệt xử lý rủi ro tín dụng.
- Công tác xây dựng chính sách, thẩm định tín dụng, phê duyệt tín dụng, tác nghiệp tín dụng, giám sát tín dụng được chuyên biệt hóa và đảm bảo tính độc lập, hiệu quả trong việc quản lý rủi ro thường xuyên tại các bước trước, trong và sau giải ngân.

- Hệ thống giám sát tín dụng được triển khai độc lập và theo dõi trên cả phương thức kiểm soát từ xa thông qua hệ thống phần mềm Corebanking và hệ thống kiểm tra trực tiếp để giám sát và cảnh báo sớm các rủi ro tín dụng có thể xảy ra.
- Hệ thống văn bản quy định tín dụng được xây dựng hoàn chỉnh hơn, phù hợp hơn với định hướng phát triển của NCB và tuân thủ quy định của Ngân hàng nhà nước; các sản phẩm tín dụng được kiểm soát rủi ro bằng các giới hạn nợ xấu theo từng phân khúc khách hàng, từng sản phẩm.
- Tỷ lệ nợ xấu của NCB đã giảm ở dưới mức kế hoạch đặt ra, các sự kiện rủi ro vận hành đều được phát hiện và xử lý kịp thời tránh tổn thất lớn cho NCB. Trên cơ sở khung quản trị rủi ro và chính sách rủi ro tín dụng, năm 2017, NCB đã cùng với đối tác tư vấn Công ty TNHH KPMG Việt Nam hoàn thiện để chuẩn bị đưa vào vận hành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng cá nhân, khách hàng hộ kinh doanh và khách hàng doanh nghiệp SME nhằm phù hợp với định hướng, chiến lược kinh doanh giai đoạn sắp tới. Hệ thống giám sát tín dụng cũng được triển khai độc lập, giám sát trên cả phương thức kiểm soát từ xa thông qua hệ thống phần mềm Corebanking và kiểm tra trực tiếp để cảnh báo sớm các rủi ro tín dụng có thể xảy ra.

4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối xuất hiện khi có những biến động của tỷ giá ngoại hối tác động lên các hoạt động trao đổi, kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng. Ngân hàng phòng chống rủi ro này bằng cách thiết lập hạn mức về trạng thái ngoại hối cho tất cả các loại ngoại tệ, tiến hành kiểm soát hạn mức hàng ngày, đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà Nước và mục đích quản lý rủi ro nội bộ. Ủy ban quản lý rủi ro chịu trách nhiệm điều chỉnh các hạn mức theo từng thời kỳ. Ngoài ra, Ủy ban quản lý rủi ro cũng đưa ra những cảnh báo về sự biến động của thị trường để kịp thời đưa ra những phương án tối ưu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

5. Rủi ro về thị trường và thanh khoản

NCB đã xây dựng chính sách, khung quản trị rủi ro thanh khoản, quy định hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng tài sản có và các giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động tại NCB phù hợp các quy định của Ngân hàng Nhà nước đặc biệt là quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của NHNN quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và dẫn hướng tới xây dựng khung quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường theo tiêu chuẩn quốc tế. NCB tiếp tục duy trì việc quản trị rủi ro thanh khoản và thị trường lành mạnh theo các chính sách và kiểm soát chặt chẽ của ủy ban QLRR và ALCO. NCB đã tiến hành xây dựng chiến lược, chính sách và công cụ quản lý hạn mức thanh khoản, hạn mức rủi ro thị trường tuân thủ các quy định của pháp luật. Các công cụ kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường bao gồm: Báo cáo khe hở thanh khoản, khe hở thanh khoản nhạy cảm với lãi suất, kỳ hạn hoàn vốn bình quân, trạng thái ngoại tệ, trạng thái danh mục đầu tư...Hệ thống đo lường và phòng ngừa rủi ro thanh khoản được thiết lập qua các hạn mức như hạn mức trạng thái, hạn mức MCO, hạn mức chịu rủi ro (VAR) đối với từng danh mục kinh doanh, hạn mức dùng lỗ, hạn mức đối tác...đồng thời, đưa ra các kịch bản khủng hoảng thanh khoản. Hệ thống kiểm soát rủi

ro thanh khoản, rủi ro thị trường được triển khai độc lập và theo dõi trên cả phương thức kiểm soát từ xa thông qua hệ thống phần mềm corebanking và hệ thống kiểm tra trực tiếp để giám sát và cảnh báo sớm các rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường có thể xảy ra.

6. Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ này chủ yếu bao gồm cam kết bảo lãnh, thư tín dụng (L/C), các cam kết tín dụng chưa giải ngân. Rủi ro từ hoạt động này phát sinh khi khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ tài chính theo các cam kết với Ngân hàng, dẫn đến Ngân hàng phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán này.

Hiện tại, các L/C phát hành chủ yếu là L/C trả ngay, đối với các cam kết bảo lãnh quy trình thẩm định khách hàng của NCB rất chặt chẽ và đều là đối tượng có năng lực tài chính, có năng lực thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết, có mức độ tín nhiệm cao và đã từng có hoạt động giao dịch với Ngân hàng. Các khoản này đều có tài sản thế chấp (bất động sản, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ một phần hoặc toàn bộ giá trị hợp đồng bảo lãnh.

7. Rủi ro luật pháp

NCB là Ngân hàng Thương mại cổ phần hoạt động trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, lĩnh vực có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt của hoạt động kinh tế xã hội. Vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước, hoạt động của NCB được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản Luật và dưới Luật của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra NCB là công ty đại chúng nên chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản có liên quan. Các văn bản pháp luật này đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần nói chung và NCB nói riêng.

Để phòng chống rủi ro pháp luật liên quan đến các sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh gây thiệt hại cho khách hàng, đối tác dẫn đến việc Ngân hàng bị khởi kiện, trong mô hình tổ chức hoạt động của NCB đã có riêng Ban Pháp chế tuân thủ có trách nhiệm chính trong việc cập nhật các văn bản pháp luật, xây dựng, hoàn thiện quy định nội bộ để phù hợp với Pháp luật, quy định của NHNN và thực tiễn hoạt động của NCB; tư vấn pháp lý cho Ban điều hành và các Đơn vị đảm bảo các quyền lợi hợp lý và hợp pháp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, NCB cũng thường xuyên thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ việc tuân thủ quy định của Pháp luật, NHNN và các quy định nội bộ tại các quy định, quy trình nghiệp vụ để đảm bảo phát hiện, khắc phục và phòng ngừa kịp thời rủi ro pháp luật.

8. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (còn được gọi là rủi ro tác nghiệp hay rủi ro vận hành) là loại rủi ro có mặt trong hầu hết các hoạt động của Ngân hàng, gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, quy trình, hệ thống và các sự kiện khách quan bên ngoài.

Các rủi ro về tuân thủ, lỗ hổng quy trình phát sinh trong quá trình hoạt động, việc thiếu sự kiểm soát cần thiết, thông tin khách hàng sai sót và thiếu đầy đủ, thiếu sự phối hợp giữa các phòng ban nghiệp vụ, việc báo cáo chậm trễ và thiếu chính xác khiến việc đánh giá nhận diện rủi ro gặp khó khăn. Ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh đặc biệt, nhạy cảm, gắn chặt với tiền khiến rủi ro về con

người ngày càng gia tăng và khó kiểm soát. Nhiều nhân viên Ngân hàng lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để thực hiện các hành vi phạm pháp gây tổn thất về tài sản, uy tín của Ngân hàng.

Rủi ro hệ thống phát sinh từ những sai sót trong nhập liệu, các lỗi về lập trình, vấn đề an ninh hệ thống chưa được đảm bảo. Hiện nay công nghệ thông tin ngày càng hiện đại, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao hơn của khách hàng trong thời đại số nhiều sản phẩm số tiện ích ra đời để phục vụ nhu cầu của khách hàng như thẻ tín dụng, internet banking, mobile banking...nhưng chính điều này cũng đặt Ngân hàng trước nhiều thách thức an ninh bảo mật hệ thống.

NCB đã thực hiện xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới với mục tiêu đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng an toàn hoạt động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến, cơ cấu lại toàn bộ bộ máy tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, khoa học, hiệu quả, an toàn và đảm bảo sự rõ ràng trách nhiệm của từng đơn vị, từng cá nhân, nhằm tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng, tối đa hóa hiệu suất hoạt động và giảm thiểu rủi ro. Để thực hiện mục tiêu này, NCB đã xây dựng, sửa đổi hệ thống phân cấp thẩm quyền phù hợp với mô hình cơ cấu tổ chức mới; tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống văn bản tại NCB nhằm xây dựng, bổ sung các chốt chặn còn thiếu và yếu, thực hiện giảm thiểu rủi ro xuống mức thấp nhất; tiến hành xây dựng mô hình 3 lớp gồm (i) kiểm soát tại các đơn vị; (ii) tái kiểm tra, hậu kiểm; (iii) kiểm toán nội bộ, kiểm tra độc lập.

9. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Với những kết quả kinh doanh khởi sắc và mang tính bền vững hơn đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển trong thời gian tới, NCB tin rằng cổ đông và cán bộ nhân viên của NCB sẽ tiếp tục gắn bó tin tưởng, đồng hành cùng Ngân hàng. Đợt chào bán được thực hiện đối với cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên Ngân hàng, tuy nhiên không bảo đảm chắc chắn rằng đợt chào bán sẽ thành công như dự kiến. Trong trường hợp đợt chào bán phát sinh số cổ phiếu không chào bán hết, số cổ phiếu này sẽ không được mua lại theo phương thức bảo lãnh phát hành. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị NCB cũng có kế hoạch chào bán lại số cổ phần không được bán hết cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu của NCB.

Việc chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ của NCB nhằm nâng cao năng lực tài chính Ngân hàng, sử dụng nguồn vốn để đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu, đầu tư cơ sở vật chất công nghệ và bổ sung nguồn vốn tự có để cho vay trung và dài hạn. Những rủi ro phát sinh trong việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán có thể bắt nguồn từ việc quản lý không tốt nguồn vốn huy động hoặc sự triển khai chậm tiến độ hoặc không đúng các mục đích phát hành đã đề ra. Để hạn chế rủi ro này, Ngân hàng sẽ thường xuyên giám sát và quản lý số vốn huy động và việc triển khai sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

10. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Sau khi Ngân hàng phát hành thêm cổ phần tăng vốn, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Ngân hàng cũng tăng lên tương ứng. Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng. Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và pha loãng lãi cơ bản trên mỗi cổ phần có thể như sau:

Bảng 1: EPS và Giá trị sổ sách trước và sau khi phát hành

Nội dung	Đơn vị	Công thức	Giá trị
Số lượng cổ phiếu trước phát hành	cổ phiếu	(1)	301.021.552
Số cổ phiếu quỹ	cổ phiếu	(2)	3.352.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành trước phát hành	cổ phiếu	(3)=(1)-(2)	297.669.552
Số lượng cổ phần chào bán (*)	cổ phiếu	(4)	199.438.599
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành	cổ phiếu	(3)+(4)	497.108.151
Tỷ lệ pha loãng	(%)	(4)/(3)	67,00%
Khối lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2019	cổ phiếu	(5)=[(3)*12+(4)*9]/12	447.248.501
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	đồng	(6)	39.249.000.000
EPS trước khi chào bán	đồng/cổ phiếu	(6)/(3)	132
EPS sau khi chào bán	đồng/cổ phiếu	(6)/(5)	88
Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2018	đồng	(7)	3.235.775.000.000
Số tiền tối thiểu dự kiến thu được từ đợt phát hành	đồng	(8)	1.994.385.990.000
Vốn chủ sở hữu dự kiến sau phát hành (**)	đồng	(9) = (7)+(8)	5.230.160.990.000
Giá trị sổ sách trước khi phát hành	đồng/cổ phiếu	(7)/(3)	10.870
Giá trị sổ sách sau khi phát hành	đồng/cổ phiếu	(9)/[(3)+(4)]	10.521

Giả định

Đợt phát hành thành công 100%;

(*): Số lượng cổ phần phát hành thêm dự kiến sẽ được lưu hành từ tháng 4/2019;

(**): Không tính đến ảnh hưởng của kết quả kinh doanh từ 31/12/2018 đến thời điểm hoàn thành việc phát hành.

11. Rủi ro khác

Hoạt động của NCB còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,... là những sự kiện ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Ngân hàng nhưng ít gặp trong thực tế. Các rủi ro này, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của NCB.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Hồng Phương	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hà Giang	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

Đại diện theo pháp luật	: Ông Vũ Hồng Sơn
Chức vụ	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phần với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Bản cáo bạch	Là bản Công bố thông tin của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư thông qua việc mua chứng khoán phát hành thêm của Ngân hàng
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014
Luật các tổ chức tín dụng	Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2017
Luật chứng khoán	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán được Quốc Hội thông qua ngày 01/07/2011
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TCTD	Tổ chức tín dụng
Tổ chức phát hành	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
NCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
Tổ chức tư vấn phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh
Điều lệ	Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
NHTM	Ngân hàng thương mại
CN	Chi nhánh
PGD	Phòng giao dịch
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BKS	Ban kiểm soát

HĐQT	Hội đồng Quản trị
CBNV	Cán bộ nhân viên
TMCP	Thương mại cổ phần
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
CAR	Capital Adequacy Ratio – Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
EPS	Earning per share- Lãi cơ bản trên cổ phiếu
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
ROE	Return on Equity – Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
L/C	Thư tín dụng (Letter of Credit) là thư do Ngân hàng phát hành theo yêu cầu của người nhập khẩu, cam kết với người bán về việc thanh toán một khoản tiền nhất định, trong một khung thời gian nhất định, nếu người bán xuất trình được một bộ chứng từ hợp lệ, đúng quy định trong L/C




IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

Tên tổ chức phát hành : Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân
Tên tiếng Anh : National Citizen Commercial Joint Stock Bank
Tên giao dịch viết tắt : NCB
Tên giao dịch Quốc tế : NCB

Logo Ngân hàng : 
Địa chỉ trụ sở chính : 28C – 28D Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 62693355 - Fax: (024) 62693535
Website : www.ncb-bank.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN số : 1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/8/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
Giấy phép hoạt động số : 0057/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 18/9/1995.
Người đại diện pháp luật : Ông Nguyễn Tiến Dũng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Vốn Điều lệ : 3.010.215.520.000 đồng (Ba nghìn không trăm mười tỷ, hai trăm mười lăm triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Hoạt động cấp tín dụng: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh Ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước; Các hình thức cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
- Hay động vốn: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; Vay vốn của Ngân hàng Nhà Nước dưới hình thức tái cấp vốn; Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; Cung ứng các phương tiện thanh toán; Cung ứng các dịch vụ thanh toán: Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ Ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước; Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; Mở tài khoản tiền gửi, thanh

toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên Ngân hàng quốc gia.

- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn Ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu kho bạc, công cụ chuyển nhượng, tín phiếu NHNN trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Hoạt động mua nợ.
- Đại lý bảo hiểm.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ; ủy thác.
- Góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Lịch sử hình thành phát triển

Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB được thành lập từ năm 1995, khởi nguồn từ Ngân hàng TMCP nông thôn Sông Kiên. Ngày 18/05/2006, NCB chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, chuyển đổi trụ sở chính từ Kiên Giang về Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời chính thức sử dụng tên Ngân hàng TMCP Nam Việt (Navibank) thay cho tên gọi Ngân hàng TMCP nông thôn Sông Kiên.

Năm 2014: Navibank chính thức được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Quốc Dân và tiến hành tái cấu trúc hệ thống, hướng đến sự chuẩn hóa và hoàn thiện các dịch vụ tài chính, đặt mục tiêu vào top 10 Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

Năm 2015: Giới thiệu nhận dạng thương hiệu mới. Được trao giải thưởng quốc tế về đổi mới sáng tạo – Ngân hàng có văn hóa doanh nghiệp sáng tạo nhất Việt Nam năm 2015 và Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam năm 2015.

Năm 2016: Triển khai hạ tầng IT mới – Nền tảng Ngân hàng lõi Temenos T24; Ký hợp đồng chiến lược liên kết kinh doanh bảo hiểm nhân thọ qua Ngân hàng với Prevoir; Tăng số chi nhánh từ 22 lên 24; Tăng tổng tài sản đạt trên 69 nghìn tỷ đồng.

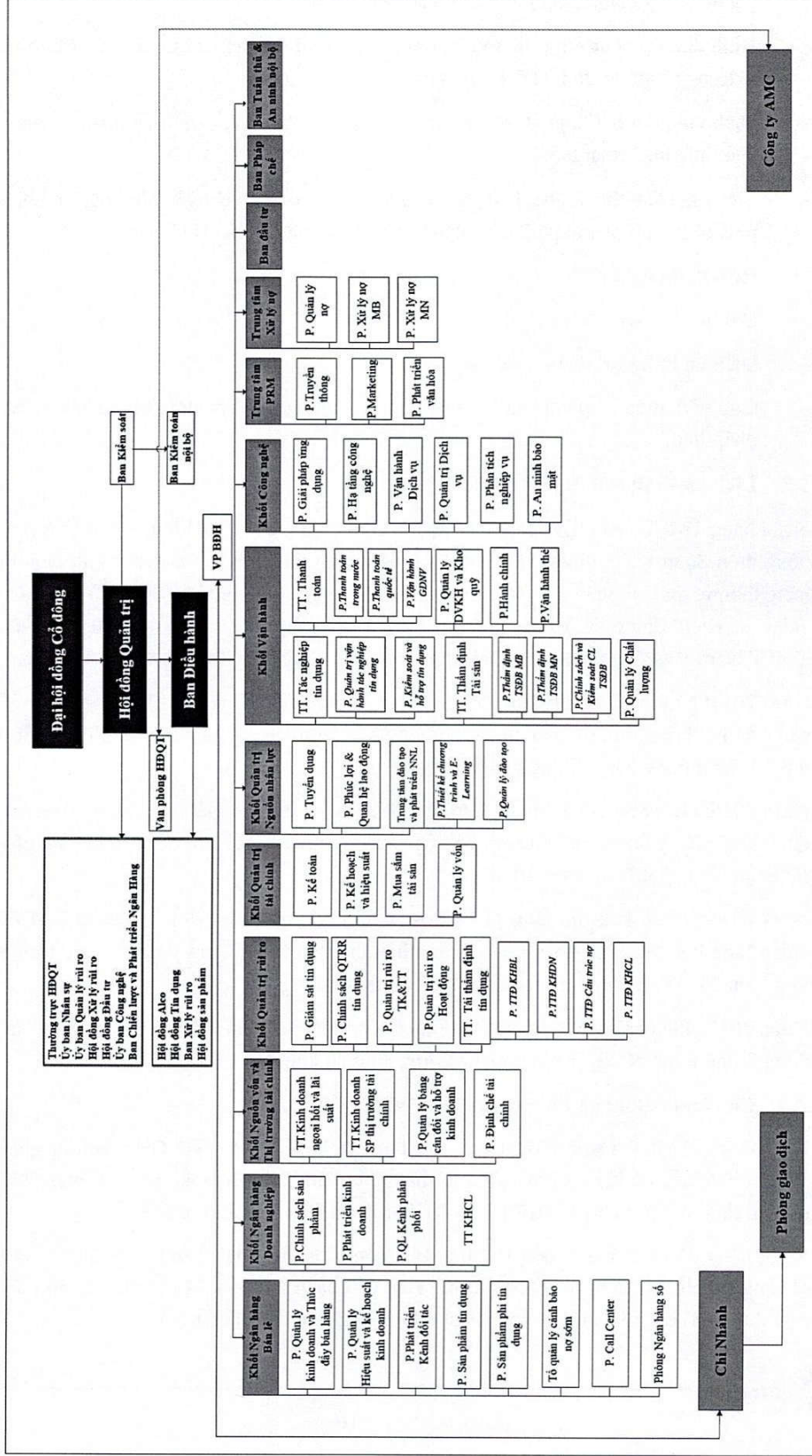
Năm 2017: Phát triển nền tảng Ngân hàng kỹ thuật số toàn diện với hàng loạt sản phẩm (ứng dụng thông minh NCB, thanh toán hóa đơn, chuyển khoản).

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

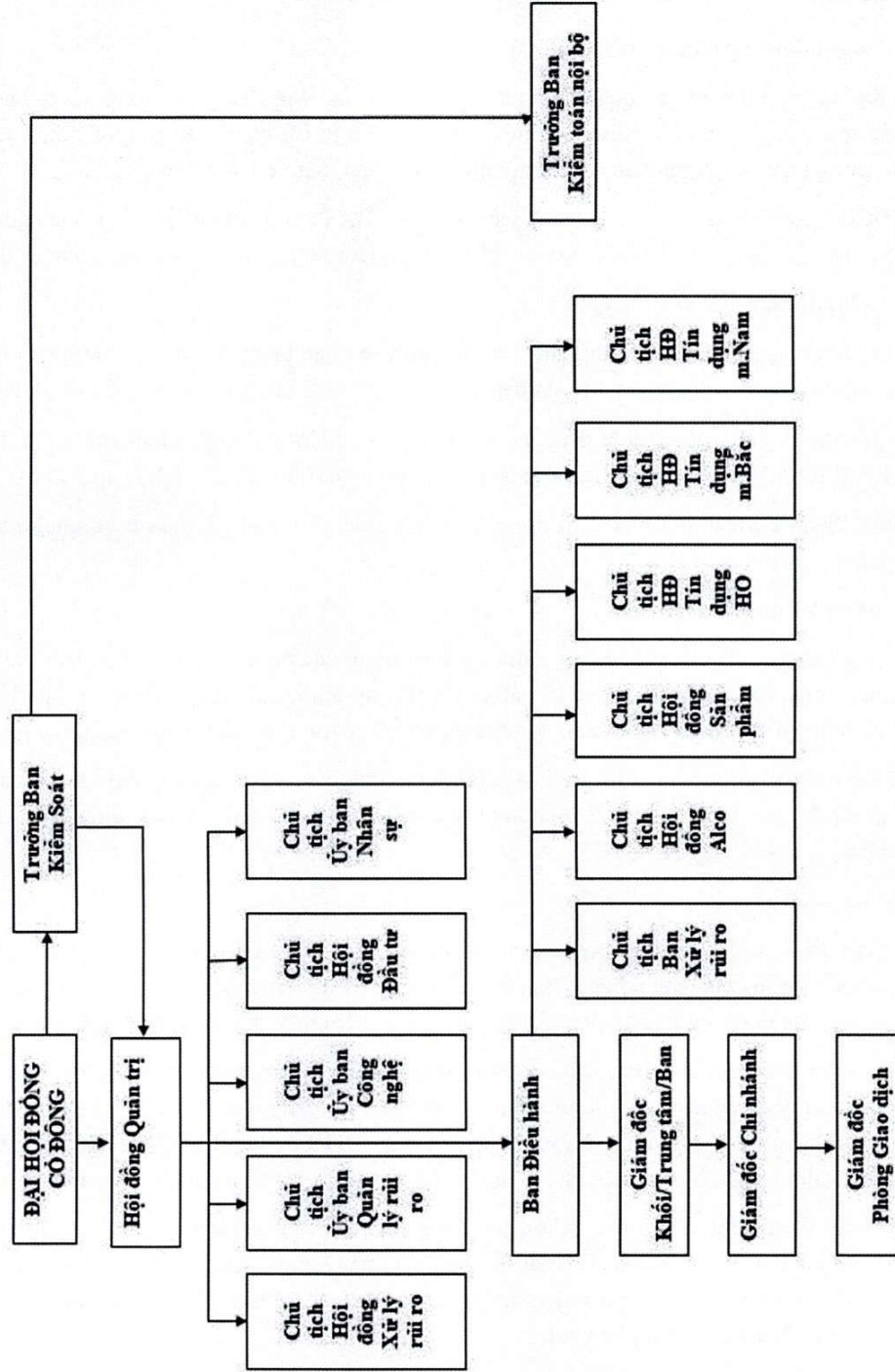
Ngân hàng TMCP Quốc Dân được tổ chức và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/8/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Ngân hàng có 01 Công ty con là Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân (Thông tin chi tiết xem Mục 4/IV trong Bản cáo bạch này) và 24 chi nhánh, 66 phòng giao dịch trực thuộc (Thông tin chi tiết xem Mục 6/IV trong Bản cáo bạch này).

Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng



Sơ đồ bộ máy quản lý của Ngân hàng



❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng, bao gồm tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông có quyền biểu quyết và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu bãi nhiệm, miễn nhiệm, bầu bổ sung, thay thế đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. HĐQT có thư ký để giúp việc cho HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do HĐQT quy định.

HĐQT thành lập các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát hoạt động của Ngân hàng để đảm bảo tính tuân thủ các quy định pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ của Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Ngân hàng.

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nhiệm kỳ của HĐQT, thành viên HĐQT.

❖ **Ban Điều hành**

Ban Điều hành được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng. Ban Điều hành do Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tổng Giám đốc điều hành theo chế độ thủ trưởng thông qua bộ máy tổ chức, hệ thống quy chế, quy trình, quy định, kế hoạch kinh doanh, chương trình công tác và hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng theo quy định và các quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Chủ tịch HĐQT, HĐQT theo quy định do HĐQT ban hành.

Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối/Ban/Trung tâm là người giúp việc Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT về chất lượng và hiệu quả công tác của lĩnh vực được phân công.

Tổng Giám đốc có thể chỉ định một Phó Tổng Giám đốc làm nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực để phối hợp hoạt động điều hành giữa các Phó Tổng Giám đốc và thay mặt Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Ngân hàng khi Tổng Giám đốc vắng mặt trong thời gian từ 01 ngày trở lên.

Các Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối/Trung tâm/Chi nhánh và các cấp quản lý tương đương có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc.

❖ **Các Ủy ban và Hội đồng**

Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT có vai trò tư vấn cho HĐQT trong việc ra quyết định liên quan đến chiến lược, chính sách nhân sự, chính sách quản trị rủi ro và các vấn đề liên quan khác. Tùy theo nhu cầu và tình hình hoạt động từng thời kỳ, HĐQT có thể quyết định thành lập các bộ phận tư vấn, chuyên trách giúp việc thuộc HĐQT. Các Ủy ban, Văn phòng, Ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo quy định về cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ do HĐQT ban hành. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT bao gồm:

- Ủy ban Nhân sự
- Ủy ban Quản lý rủi ro
- Hội đồng Xử lý rủi ro
- Hội đồng Đầu tư
- Ủy ban Công nghệ
- Ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng

Các Hội đồng/Ban hoặc tương đương trực thuộc Tổng Giám đốc quyết định theo cơ chế tập thể các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ngân hàng như cấu trúc Tài sản – Nợ, tín dụng, ... theo chính sách quản trị rủi ro và chính sách tín dụng đã được HĐQT phê duyệt trong từng thời kỳ. Các Hội đồng/Ban trực thuộc Ban Điều hành bao gồm:

- Hội đồng Alco
- Hội đồng Tín dụng
- Ban Xử lý rủi ro
- Hội đồng sản phẩm

❖ **Các Khối/Trung tâm/Ban**

Bảng 2: Chức năng và nhiệm vụ của các Khối/Trung tâm/Ban

STT	Tên khối, ban	Chức năng	Nhiệm vụ	Các phòng trực thuộc
1	Khối ngân hàng bán lẻ	Phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh của NCB đối với phân khúc Khách hàng cá nhân (KHCCN), tạo doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh ngân hàng cá nhân, dịch vụ thẻ; - Phát triển và quản lý danh mục sản phẩm bán lẻ cho khách hàng cá nhân; phối hợp với PRM (Trung tâm PR – Marketing) triển khai thực hiện các chương trình Marketing; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kinh doanh và thúc đẩy bán hàng; - Quản lý hiệu suất và kế hoạch kinh doanh; - Phát triển Kênh đối tác; - Sản phẩm tín dụng; - Sản phẩm phi tín dụng;

		thông qua việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tượng KHCN	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy trình, sổ tay nghiệp vụ phù hợp với quy định pháp luật và NCB; - Quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động của Call Center; - Phân bổ và đánh giá việc hiện chi tiêu kế hoạch kinh doanh của các trung tâm KHCN; - Quản lý danh mục đầu tư tín dụng KHCN, phối hợp với khối QTRR quản lý, giám sát các chỉ tiêu về rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ quản lý cảnh báo nợ sớm; - Call Center; - Ngân hàng số.
2	Khối ngân hàng doanh nghiệp	Phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh của NCB đối với phân khúc Khách hàng doanh nghiệp (KHDN), tạo doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tượng KHDN	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh khách hàng doanh nghiệp; - Duy trì, khai thác và phát triển mối quan hệ khách hàng; - Phát triển và quản lý danh mục sản phẩm cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp; - Xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy trình, sổ tay nghiệp vụ phù hợp với quy định pháp luật và NCB; - Xây dựng, đề xuất các chính sách, quy định và tổ chức thực hiện nghiệp vụ tài trợ dự án; - Quản lý, giám sát các chỉ tiêu về rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Khối Ngân hàng doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách sản phẩm; - Phát triển kinh doanh; - Quản lý kênh phân phối; - Trung tâm Khách hàng chiến lược.
3	Khối nguồn vốn và thị trường tài chính	Quản lý bảng cân đối kế toán toàn Ngân hàng; quản lý thanh khoản, kinh doanh có lợi nhuận cho	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, cân đối và điều chuyển các nguồn vốn và sử dụng vốn của hoàn toàn hệ thống; - Tối ưu hóa thu nhập của Ngân hàng từ các giao dịch trên các thị trường vốn, thị trường trường tiền tệ và thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh ngoại hối và lãi suất; - Kinh doanh sản phẩm thị trường tài chính; - Quản lý bán hàng cân đối và hỗ trợ kinh

		Ngân hàng trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ, và thị trường hàng hóa thông qua các nghiệp vụ kinh doanh vốn, ngoại hối, hàng hóa đầu tư tài sản, cổ phiếu, giấy tờ có giá...	<p>hàng hóa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh tiền tệ và ngoại hối; - Phát triển và quản lý danh mục các sản phẩm dịch vụ kinh doanh ngoại hối, nguồn vốn, các công cụ nợ và công cụ tài chính phái sinh; - Phân tích và dự báo biến động thị trường; - Xây dựng, trình ALCO phê duyệt các phương án bảo đảm thanh khoản cho toàn hệ thống; - Đảm bảo cung cấp đầy đủ và cập nhật các thông tin về các đối tác trên các thị trường, đề xuất các hạn mức giao dịch cho các đối tác của Ngân hàng; 	<p>doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định chế tài chính.
4	Khối quản trị rủi ro	Tổ chức và điều hành công tác quản lý và giám sát rủi ro, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động, công tác pháp chế, công tác thẩm định và phê duyệt tín dụng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, dự báo các chính sách vĩ mô, chính sách ngành, tham mưu cho ban lãnh đạo về định hướng kinh doanh và quản trị rủi ro; - Đề xuất khung quản trị rủi ro, quy chế, quy định, phân cấp ủy quyền phê duyệt các giới hạn trong hoạt động liên quan đến rủi ro, giám sát và theo dõi trạng thái rủi ro; - Phát triển hoặc tham gia phát triển các quy trình quy định, công cụ để đo lường và quản lý rủi ro; - Triển khai công tác liên quan đến pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho toàn hệ thống NCB; - Thực hiện giám sát các hoạt động tín dụng và lập các báo 	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát tín dụng; - Chính sách quản trị rủi ro tín dụng; - Quản trị rủi ro hoạt động; - Quản trị rủi ro Thanh khoản và thị trường - Tái thẩm định tín dụng;

			<p>cáo phục vụ cho công tác quản trị, điều hành liên quan đến hoạt động tín dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định/tái thẩm định, phê duyệt các hồ sơ tín dụng của Khách hàng cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp và Khách hàng Định chế; - Theo dõi, cảnh báo, giám sát chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống; - Thực hiện công tác kiểm soát các giao dịch ngoại tệ, nguồn vốn, đầu tư vốn, các công cụ nợ và phái sinh. 	
5	Khối quản trị tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý và tổ chức thực hiện tập trung việc quản lý tài chính, kế toán, lập và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm; - Cung cấp các số liệu tài chính theo quy định; - Phân tích hiệu quả nguồn lực tài chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các chính sách, quy định và quy trình về quản lý tài chính và kế hoạch kinh doanh; - Tổng hợp và đề xuất giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm và theo dõi, đánh giá việc thực hiện theo định kỳ; - Đầu mối tổ chức và phối hợp với đơn vị liên quan trong việc thực hiện các báo cáo thống kê; - Quản lý hệ thống kế toán, công tác thống kê, hệ thống dữ liệu kế toán và báo cáo tài chính; - Phối hợp với các Phòng/Ban liên quan trong việc tổ chức thực hiện việc đầu tư, mua sắm tập trung tài sản cố định và xây dựng cơ bản; 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán; - Kế hoạch và hiệu suất; - Mua sắm tài sản; - Quản lý vốn;
6	Khối quản trị nguồn nhân	Xây dựng và phát triển chiến lược quản trị nhân sự phù hợp với	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạch định và triển khai chiến lược, kế hoạch quản lý và phát triển Nguồn lực; - Tổ chức thực hiện: Tuyển dụng, điều chuyển bố trí nhân sự, giải 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển dụng; - Phúc lợi & Quan hệ lao động; - Trung tâm đào tạo và phát triển Nguồn

	lực	chiến lược kinh doanh của NCB. Thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực thông qua cơ chế, chính sách, chương trình về quản trị nhân sự	quyết quan hệ lao động, tính lương và các chế độ chính sách; - Tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; - Quản lý dữ liệu nhân sự.	nhân lực;
7	Khối vận hành	Tổ chức thực hiện công tác thanh toán tập trung, quản lý và tổ chức dịch vụ khách hàng...	- Thiết lập mạng lưới thanh toán trong và ngoài nước; đề xuất các chính sách liên quan đến thanh toán trong/ngoài nước, tài trợ thương mại, thực hiện việc hỗ trợ các giao dịch của Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính; - Thực hiện công tác thẩm định tài sản và tổ chức quản lý công tác của Trung tâm thẩm định tài sản; - Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư;	- TT. Tác nghiệp tín dụng; - TT. Thẩm định tài sản; - P. Quản trị chất lượng; - TT. Thanh toán; - P. Quản lý dịch vụ khách hàng và kho quỹ; - P. Hành chính; - P. Vận hành thẻ;
8	Khối công nghệ	Xây dựng, quản lý hệ thống công nghệ ngân hàng bao gồm hạ tầng kỹ thuật, yêu cầu người sử dụng và các ứng dụng để đảm bảo tính an toàn, bảo mật và liên tục của hệ thống công nghệ phục vụ kinh doanh	- Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển công nghệ thông tin; - Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các sản phẩm ứng dụng công nghệ mới; - Quản lý, vận hành an toàn, liên lạc hệ thống công nghệ thông tin toàn hệ thống; - Triển khai các dự án đầu tư về công nghệ thông tin; - Cung cấp thông tin báo cáo phục vụ công tác quản trị điều hành; - Tổ chức quản lý và kiểm soát rủi ro của hệ thống công nghệ thông tin toàn hệ thống.	- Giải pháp ứng dụng; - Hạ tầng công nghệ; - Vận hành dịch vụ; - Quản trị dịch vụ; - Phân tích nghiệp vụ; - An ninh bảo mật.

9	Trung tâm PRM	Là đơn vị thuộc Hội sở chính, có chức năng tham mưu cho ban lãnh đạo trong công tác truyền thông, quản lý thương hiệu và marketing	<ul style="list-style-type: none"> - Là đơn vị đầu mối trong việc quản lý, điều hành các vấn đề liên quan đến xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông, quản lý thương hiệu và marketing tổng thể cho NCB; - Xây dựng và triển khai các chiến dịch Marketing trong toàn hệ thống; - Tư vấn và định hướng cho các Phòng, Ban, Chi nhánh của NCB triển khai ứng dụng PR-Marketing... 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông; - Marketing; - Phát triển văn hóa.
10	Trung tâm xử lý nợ	Quản lý, tổ chức thực hiện việc thu hồi, xử lý các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu được phân luồng về Trung tâm Xử lý nợ (XLN) theo quy định của NCB từng thời kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các quy định, quy trình về quản lý, xử lý và thu hồi nợ trên toàn hệ thống; - Quản lý danh mục nợ có vấn đề, phân bổ chỉ tiêu thu hồi, giám sát việc thực hiện thu hồi nợ tại các đơn vị; - Đề xuất các phương án tái cấu trúc nợ, phân luồng xử lý nợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nợ; - Xử lý nợ Miền Bắc; - Xử lý nợ Miền Nam.
11	Ban đầu tư	Tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành bằng việc đề xuất các chiến lược, chính sách, quy định, giải pháp quản trị đầu tư tại Ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Tham vấn, xây dựng chính sách, chiến lược đầu tư, huy động vốn; - Xây dựng các quy định về đầu tư; - Thực hiện hoạt động nghiên cứu, phân tích và lập báo cáo phân tích phục vụ hoạt động đầu tư của Ngân hàng; - Thực hiện các hoạt động tư vấn; - Quản lý đầy đủ và có hệ thống các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến hoạt động đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - BP. Đầu tư kinh doanh; - BP. Ngân hàng đầu tư; - BP. Quản lý danh mục đầu tư.
12	Ban pháp	Tham mưu cho ban lãnh đạo	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu cho Ban lãnh đạo về những vấn đề pháp lý; 	<ul style="list-style-type: none"> - BP. Tư vấn pháp lý - BP. Soạn thảo và

	chế	trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, soạn thảo, thẩm định văn bản có tính pháp lý của NCB, giám sát tuân thủ, cập nhật các văn bản định chế, văn bản pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra quan điểm độc lập góp ý cho các đề xuất về cơ cấu, tổ chức, quy trình trong toàn hệ thống; - Thẩm định tính pháp lý đối với các văn bản định chế, các quy định nội bộ, hợp đồng và các mẫu biểu; - Trực tiếp soạn thảo các văn bản định chế, quy định nội bộ, các mẫu biểu; - Khuyến nghị, cảnh báo tuân thủ quy định của NCB và các quy định của pháp luật. 	<p>thẩm định văn bản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - BP, Giám sát tuân thủ và Phổ biến pháp luật.
13	Ban tuân thủ an ninh nội bộ	Tham mưu Ban lãnh đạo các giải pháp về công tác phòng ngừa, bảo vệ an ninh thông tin, hạn chế các rủi ro về người và tài sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các vấn đề tồn tại bất cập hiện nay về công tác bảo vệ an ninh, an toàn nội bộ của NCB; - Tham mưu cho ban lãnh đạo về bổ sung, xây dựng các phương án bảo vệ đối với các mục tiêu phức tạp về an ninh trật tự, các lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến tài sản và người; - Phối hợp với khối Quản trị Nguồn nhân lực và các phòng ban liên quan hỗ trợ xác minh, tuyển dụng; - Phối hợp với khối Công nghệ và các khối, ban có liên quan bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp quy về bảo vệ an ninh trật tự; - Phối hợp với khối QTRR và Trung tâm xử lý nợ, đồng thời phối hợp với cơ quan công quyền hỗ trợ thu hồi nợ; - Làm đầu mối với các cơ quan công quyền; - Hướng dẫn, hỗ trợ AMC về công tác bảo vệ an ninh cơ sở. 	<ul style="list-style-type: none"> - BP. Bảo vệ an ninh nội bộ; - Bộ phận bảo vệ an ninh thông tin.

Nguồn: NCB

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	CTCP Năng lượng Sài Gòn – Bình Định	Số 143 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	29.790.550	9,90%
Tổng cộng			29.790.550	9,90%

(Nguồn: Danh sách cổ đông NCB tại thời điểm 11/10/2018)

Bảng 4: Danh sách cổ đông là người có liên quan đến cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Quan hệ với Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Trí Hồ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	0	0,00%
2	Sú Ngọc Bích	Kế toán trưởng	0	0,00%
Tổng cộng			0	0,00%

Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Dương Việt Hoa	Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%
2	Huỳnh Văn Thọ	Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%
3	Lâm Phước Sinh	Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%
4	Lâm Trường Phong	Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%
5	Ngô Quý Thanh	Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%

6	Trương Văn Phiến	Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%
7	Trang Nghĩa Minh	Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	0	0,00%
Tổng cộng			0	0,00%

(Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKDN số 1700169765 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/08/2006 và thay đổi lần 7 ngày 25/01/2013)

Theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: “Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty”.

Doanh nghiệp chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1700169765 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/08/2006. Do vậy, quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập như trên đã hết hiệu lực.

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/10/2018

Nội dung	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	765	297.510.377	98,84%
Tổ chức	20	61.089.953	20,30%
Cá nhân	745	236.420.424	78,54%
Cổ đông ngoài nước	21	159.175	0,05%
Tổ chức	5	33.105	0,01%
Cá nhân	16	126.070	0,04%
Cổ phiếu quỹ		3.352.000	1,11%
Tổng	786	301.021.552	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông NCB tại thời điểm 11/10/2018)

4. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**
 - ❖ Danh sách những công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

- ❖ Danh sách những công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: NCB có một công ty con là:
 - **Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân:**
 - + Mã số doanh nghiệp : 0304767745
 - + Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
 - + Địa chỉ : 444 đường Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP Hà Nội
 - + Tỷ lệ sở hữu của của NCB : 100%
 - + Lĩnh vực kinh doanh chính:
 - ✓ Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của NCB để xử lý, thu hồi nợ. Cơ cấu lại nợ tồn đọng. Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay.
 - ✓ Mua bán nợ tồn đọng của các TCTD khác, các Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác để xử lý theo quy định của pháp luật.
 - ✓ Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
 - ✓ Xây dựng nhà các loại.
 - ✓ Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
 - ✓ Hoạt động đánh giá tài sản (trừ bất động sản).
 - ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất.
 - ✓ Bán buôn xe ô tô và các xe có động cơ khác. Bán lẻ xe ô tô con (loại dưới 12 chỗ trở xuống).
 - ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài).

5. Quá trình tăng vốn của Ngân hàng

Bảng 7: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng

Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm (Triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (Triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
18/09/1995	1.100	1.100	Thành lập	Ngân hàng Nhà nước
19/01/2001	1.500	2.600	Cổ đông góp vốn	Ngân hàng Nhà nước
10/10/2001	2.400	5.000	Cổ đông góp vốn	Ngân hàng Nhà nước

14/04/2004	45.000	50.000	Cổ đông góp vốn	Ngân hàng Nhà nước
26/05/2005	50.000	100.000	Cổ đông góp vốn	Ngân hàng Nhà nước
16/05/2006	150.000	250.000	Cổ đông góp vốn	Ngân hàng Nhà nước
13/06/2006	250.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu & Chào bán cho cán bộ công nhân viên	- Ngân hàng Nhà nước - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
26/07/2007	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu & Chào bán cho cán bộ công nhân viên	- Ngân hàng Nhà nước - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
3/12/2010	820.234,85	1.820.234,85	Chào bán cho cổ đông hiện hữu & Chào bán cho cán bộ công nhân viên	- Ngân hàng Nhà nước - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
1/3/2011	1.189.980,67	3.010.215,52	Chào bán cho cổ đông hiện hữu & Chào bán cho cán bộ công nhân viên	- Ngân hàng Nhà nước - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng

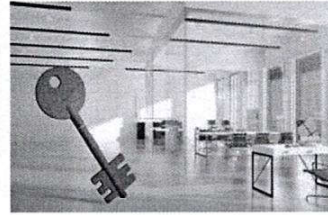
6.1.1 Về sản phẩm dịch vụ

NCB hướng tới mục tiêu là một Ngân hàng được khách hàng tin tưởng và lựa chọn thông qua những trải nghiệm dịch vụ, các quy trình hướng tới sự phục vụ khách hàng tốt nhất và hệ thống kênh phân phối đa dạng cùng với các sản phẩm dịch vụ phong phú hướng tới mỗi đối tượng khách hàng riêng. Các dịch vụ của NCB phân ra chủ yếu thành 2 nhóm là phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

❖ Dịch vụ cho khách hàng cá nhân

- Tài khoản thanh toán

Tài khoản thanh toán thông thường: Giúp thỏa mãn các nhu cầu về thanh toán, chuyển tiền, quản lý tài chính của khách hàng với ưu điểm dễ dàng giao dịch với kênh giao dịch đa dạng: Tại quầy, đặt lệnh chuyển tiền tự động, Internet Banking, Mobile Banking... với mức phí giao dịch ưu đãi nhất.



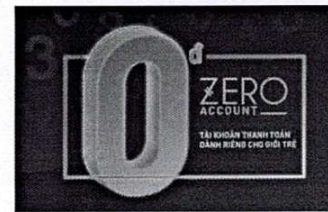
Tài khoản thanh toán thông minh: Tương tự tài khoản thanh toán thông thường nhưng có thêm những ưu điểm vượt trội về phí như: Miễn 100% phí phát hành thẻ ATM hạng vàng và phí thường niên năm đầu, phí dịch vụ SMS Banking, phí chuyển tiền trên Internet Banking với hạn mức nhỏ hơn 100 triệu VND/lần, không giới hạn số lần, không áp dụng cho chuyển tiền trên kênh 24/7, giao dịch nộp, rút tiền mặt tại quầy khác tỉnh thành phố hạn mức ≤ 100 triệu VND/ngày.



Tài khoản thanh toán dành riêng cho phụ nữ: Bao gồm các đặc điểm và lợi ích như: Thu phí theo gói chiết khấu tới 50% so với phí dịch vụ đơn lẻ, ưu đãi khi chuyển tiền ngoài hệ thống trên Internet Banking/Mobile Banking, ưu đãi chiết khấu/hoàn tiền tại các điểm ưu đãi khi thanh toán bằng thẻ NCB woman card, ưu đãi lãi suất tiết kiệm: được nhận lãi suất tiết kiệm cao hơn thông thường.



Tài khoản 0 đồng: Là loại tài khoản dành riêng cho giới trẻ. Với ưu điểm miễn 100% phí phát hành thẻ, miễn 100% phí dịch vụ SMS Banking, miễn 100% phí không yêu cầu số dư tối thiểu - không phí quản lý tài khoản; đây sẽ là loại tài khoản thích hợp nhất cho các đối tượng khách hàng là học sinh, sinh viên.



- Sản phẩm thẻ



Thẻ tín dụng quốc tế NCB Visa hạng Vàng và chuẩn: Là sản phẩm thẻ nhằm phục vụ cho việc mua sắm được hàng hóa nước ngoài, thanh toán khắp mọi nơi trên thế giới. Ưu điểm của thẻ là có thể được chấp nhận tại hơn 62.000 điểm giao dịch tại Việt Nam và hơn 30 triệu điểm giao dịch trên toàn thế giới và ứng tiền mặt linh hoạt cùng với việc được ưu đãi tại các đơn vị liên kết với NCB sẽ giúp đáp ứng được nhu cầu thanh toán toàn cầu của mọi đối tượng khách hàng.



Thẻ tín dụng quốc tế NCB Visa Woman Credit card: Là sản phẩm thẻ với những đặc tính nổi trội về ưu đãi lãi suất được thiết kế riêng cho đối tượng khách hàng là phụ nữ hiện đại năng động.



Thẻ tín dụng quốc tế NCB Visa hạng Platinum: Là hạng thẻ cao cấp nhất, cho phép khách hàng có thể chi tiêu với hạn mức lớn và mang đến cơ hội khám phá những ưu đãi và đặc quyền sang trọng bậc nhất tại Việt Nam và trên toàn thế giới. Các đặc tính nổi trội của thẻ bao gồm: hạn mức tín dụng cao nhất đến 2 tỷ đồng, bảo hiểm du lịch toàn cầu lên đến 10,5 tỷ cho chủ thẻ và người thân. Đặc quyền ưu đãi, giảm giá dành riêng cho hạng thẻ Platinum tại các sân Golf hàng đầu Việt Nam, các nhà hàng, khách sạn, khu mua sắm sang trọng.



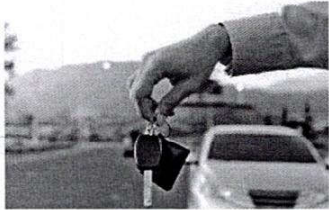
Thẻ ghi nợ: Thẻ ghi nợ NCB Debit với 2 loại: thẻ chuẩn và thẻ vàng mang đến những lợi ích phù hợp theo nhu cầu của khách hàng. Thẻ hỗ trợ giao dịch tại hầu hết các máy ATM, POS của các Ngân hàng tại Việt Nam, giúp khách hàng chủ động quản lý và sử dụng tiền từ tài khoản thanh toán thông qua các dịch vụ liên kết: Internet banking, Mobile banking, thanh toán trực tuyến (ECOM), ưu đãi lãi suất không kỳ hạn đối với tài khoản tiền gửi VNĐ và khách hàng dùng thẻ có thể được tận hưởng nhiều ưu đãi hấp dẫn tại nhiều điểm mua sắm, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch, làm đẹp, giải trí... trên toàn quốc.



Thẻ ghi nợ NCB Visa Woman Debit Card: Với chỉ duy nhất một hạng thẻ với thiết kế nữ tính, trẻ trung mang đến những lợi ích phù hợp cho đối tượng khách hàng là phụ nữ.

- **Tín dụng cá nhân**

Cho vay mua xe ô tô mới



Vay lại khoản đã trả



Cho vay tiêu dùng nhanh



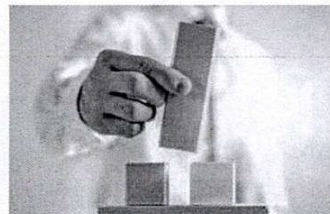
Cho vay mua nhà ở, đất ở, xây dựng, sửa chữa nhà



Cho vay hộ kinh doanh



Cho vay kinh doanh siêu tốc



Cho vay tiêu dùng có tài sản đảm bảo



Cho vay tiểu thương



Cho vay du học



Cho vay tiêu dùng không có tài sản đảm bảo



Cho vay thấu chi cầm cố tiền gửi có kỳ hạn



Cho vay VND cầm cố tiền gửi bằng VND, USD



- Gửi tiết kiệm

Tiết kiệm không kỳ hạn: Dành cho đối tượng khách hàng cá nhân có nguồn tiền nhàn rỗi nhưng không cố định được thời gian gửi và có nhu cầu rút tiền vào bất kỳ ngày làm việc của NCB



Tiết kiệm truyền thống: Bên cạnh những sản phẩm mới, NCB luôn sẵn sàng phục vụ nhu cầu gửi tiền tiết kiệm của khách hàng với sản phẩm "Tiết kiệm truyền thống" với kỳ hạn gửi và kỳ lĩnh lãi đa dạng phù hợp với nhu cầu của khách hàng.



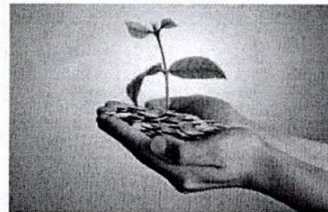
Tiết kiệm Mẹ yêu con: Hướng tới đối tượng khách hàng là các bậc cha mẹ muốn chuẩn bị tài chính cho tương lai của con mình. Đặc điểm và lợi ích của hình thức tiết kiệm này là con sẽ là người đứng tên trên sổ còn bố/mẹ là người giám hộ. Không giới hạn số tiền nộp thêm và số lần nộp thêm (trừ 30 ngày cuối cùng của kỳ hạn gửi tiền), đặt lịch tự động chuyển tiền định kỳ từ tài khoản thanh toán của bố/mẹ sang Tài khoản tiết kiệm.



Tiết kiệm lũy tiến: Với hình thức tiết kiệm lũy tiến, các khách hàng của NCB sẽ được hưởng mức lãi suất hấp dẫn luôn bằng hoặc cao hơn tiết kiệm truyền thống. Đặc biệt, mức lãi suất sẽ tăng dần theo số tiền gửi của Khách hàng.



Tiết kiệm sinh lời: Hướng tới đối tượng khách hàng muốn chủ động trong việc sử dụng tiền sinh lời hàng tháng của khoản tiết kiệm. Với hình thức này, khách hàng sẽ được nhận lãi hàng tháng, hàng quý, giúp khách hàng chủ động trong việc sử dụng tiền sinh lời, được cộng thêm lãi suất ưu đãi vào cuối kỳ, được bảo hiểm tiền gửi, được sử dụng để cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng khi có nhu cầu.



Ngoài ra NCB còn cung cấp các dịch vụ khác cho các khách hàng cá nhân bao gồm:

- Ngân hàng điện tử: Internet Banking; Mobile Banking; SMS Banking.
- Sản phẩm ngoại hối: Giao dịch hối đoái giao ngay; Giao dịch hối đoái kỳ hạn.
- Sản phẩm bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ Khang An Thành Tài; Bảo hiểm tín dụng Khang An Bảo Tín; Bảo hiểm nhân thọ Khang An Bảo Gia.

- Dịch vụ khác: Dịch vụ ngân quỹ; Dịch vụ chuyển tiền trong nước; Dịch vụ chuyển tiền quốc tế; Dịch vụ Western Union; Dịch vụ thanh toán tiền chuyển nhượng/mua bán bất động sản; Dịch vụ bảo quản tài sản.
- **Đặc quyền phái đẹp - sản phẩm tài chính dành cho Người phụ nữ hiện đại**
- + **Gói Vui Sống:** Vui Sống là gói sản phẩm tài chính dành với nhiều tiện ích tích hợp như sở hữu Gói Combo Tài khoản thanh toán với ưu đãi miễn phí rút tiền bằng Thẻ ATM và miễn phí chuyển khoản ngoài hệ thống với dịch vụ Ngân hàng điện tử - NCB Smart, thẻ Visa quốc tế với hạn mức sử dụng linh hoạt, ... Đặc biệt, tấm thẻ ATM sẽ trở nên ấn tượng hơn bao giờ hết với hình ảnh khoáng khắc đáng nhớ của khách hàng và những người thương yêu.
- + **Gói Thanh Xuân:** Gói Thanh Xuân trọn bộ Combo tiện ích như gói Vui Sống và mang đến cho khách hàng gói bảo hiểm sức khỏe với ưu đãi quyền lợi lên tới hơn 100 triệu đồng.
- + **Gói Cho Con:** Gói tài chính Cho Con bao gồm những tiện ích như gói Vui Sống và mang đến cho khách hàng gói bảo hiểm sức khỏe cho con với ưu đãi quyền lợi lên tới 200 triệu đồng.
- + **Gói Tri Ân:** Gói tài chính Tri Ân sẽ giúp khách hàng chăm sóc sức khỏe cho đấng sinh thành khi sở hữu gói bảo hiểm sức khỏe dành cho hai người lên tới 500 triệu đồng/năm, ngoài ra khách hàng vẫn được sử dụng các tiện ích như gói Vui Sống mang lại.

❖ **Dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp**

- **Quản lý tài khoản**

Tài khoản thanh toán: NCB cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản nhằm tối đa hóa lợi ích mang lại cho doanh nghiệp:

- + Đáp ứng nhu cầu thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và thanh toán lương CBNV của khách hàng.
- + Khách hàng mở tài khoản một nơi có thể giao dịch nhiều nơi.
- + Được sử dụng số dư tài khoản bảo đảm cho các khoản vay vốn hoặc bảo lãnh các nghĩa vụ của bên thứ ba.
- + Thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- + Có thể sử dụng vượt quá số dư trên tài khoản qua tiện ích thấu chi tài khoản.
- + Các dịch vụ hỗ trợ: Mobile Banking, Internet Banking.

- **Tiền gửi doanh nghiệp**

Tiền gửi có kỳ hạn: Dịch vụ dành cho các doanh nghiệp có khoản tiền nhàn rỗi và muốn tối đa hóa lợi ích từ nguồn vốn này:

- + Được lựa chọn kỳ hạn gửi, kỳ hạn trả lãi phù hợp với kế hoạch tài chính của khách hàng.
- + Có thể gửi và rút vốn gốc bất cứ điểm giao dịch nào của NCB.
- + Được sử dụng số dư tiền gửi để bảo đảm cho khoản vay vốn hoặc bảo lãnh các nghĩa vụ của bên thứ ba.
- + Thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

- + Các dịch vụ hỗ trợ: Mobile Banking, Internet Banking.

Tiền gửi ký quỹ: NCB giúp khách hàng đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với các bên liên quan:

- + Thực hiện nghĩa vụ tài chính của khách hàng đối với các bên liên quan đồng thời vẫn có khả năng sinh lời khi hưởng lãi suất trên số dư tài khoản.
- + Thực hiện giao dịch tại các chi nhánh NCB trên toàn quốc.
- + Thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- + Lãi suất ký quỹ hấp dẫn.
- + Mức phí cạnh tranh.

Tiền gửi Ký quỹ dành cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành: NCB cung cấp dịch vụ cho các đối tượng khách hàng đang có nhu cầu ký quỹ phục vụ kinh doanh lữ hành nhưng chưa rõ các thủ tục cần thực hiện:

- + Đáp ứng nhu cầu mở tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- + Lãi suất hấp dẫn, được sử dụng tiền lãi phát sinh trên số tiền ký quỹ.
- + Thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng

- Ngân hàng điện tử

Internet Banking: dịch vụ Internet Banking của NCB giúp khách hàng có thể thực hiện các giao dịch nhanh chóng, tiện lợi, chính xác:

- + Khách hàng theo dõi danh sách tài khoản bao gồm tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tài khoản tiền vay.
- + Chuyển tiền trong hệ thống hoặc ngoài hệ thống NCB.
- + Thanh toán lương cho CBNV thuận tiện, nhanh chóng.
- + Theo dõi thông tin thành viên gồm tài khoản người dùng, thay đổi mật khẩu.

SMS Banking: dịch vụ SMS Banking của NCB giúp khách hàng có thể truy vấn thông tin tài chính mọi nơi nhanh chóng, đơn giản và tiện lợi:

- + Nhận thông tin tự động từ NCB.
- + Nhận thông báo biến động số dư, thông báo nhắc nợ từ NCB.
- + Truy vấn thông tin qua Mobile Banking.

Dịch vụ Nộp Thuế Điện Tử: Với sự phát triển của hệ thống công nghệ thông tin hiện nay, dịch vụ Nộp thuế điện tử (NTĐT) của NCB cho phép người nộp thuế (NNT) lập giấy nộp tiền (GNT) vào Ngân sách Nhà nước (NSNN) trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế (TCT) và được NCB xác nhận kết quả giao dịch nộp thuế tức thời ngay khi gửi GNT.

- + Nộp thuế tại bất cứ địa điểm nào có kết nối Internet.

- + Giao dịch 24/7 (kể cả ngày nghỉ - lễ) và được ghi nhận ngày nộp thuế tức thì.
- + Nhanh chóng, kịp thời, an toàn, thuận tiện.
- + Đơn giản thủ tục giấy tờ. Tiết kiệm thời gian, chi phí.
- + Miễn phí đăng ký, miễn phí giao dịch đối với dịch vụ nộp thuế điện tử trong 01 năm đầu NCB triển khai dịch vụ.

- **Tín dụng doanh nghiệp**

Gói Sản phẩm cho đại lý kinh doanh ô tô: NCB cung cấp gói sản phẩm cung cấp đầy đủ nhu cầu vay vốn, dịch vụ Ngân hàng đối với các doanh nghiệp, đại lý kinh doanh xe ô tô. Khách hàng có thể vay theo món hoặc vay theo hạn mức, thời hạn vay không quá 12 tháng; lãi suất cho vay linh hoạt, ưu đãi, cạnh tranh.

Sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất khẩu dăm gỗ: NCB cung cấp sản phẩm được thiết kế với các tính năng riêng biệt, hoàn toàn phù hợp với các doanh nghiệp xuất khẩu dăm gỗ với phương thức cho vay từng lần và theo hạn mức, thời hạn vay: theo món tối đa 06 tháng; theo hạn mức tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay linh hoạt, ưu đãi, cạnh tranh, giảm phí bảo lãnh và các phí khác theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

Cho vay bổ sung vốn lưu động: Sản phẩm giúp đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp để mua vật tư, hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu, thanh toán lương, thuế và các chi phí ngắn hạn khác. Tại NCB, khách hàng có thể được vấn giải pháp tài chính phù hợp nhất với nhu cầu vay vốn lưu động của mình với lãi suất vay vốn hợp lý.

Cho vay mua ô tô danh cho khách hàng doanh nghiệp: Là sản phẩm cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả hoạt động động kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá:

- + Tỷ lệ tài trợ lên đến 85%, thời gian vay lên đến 72 tháng;
- + Hồ sơ vay vốn đơn giản, thủ tục giải ngân nhanh chóng.

Tài trợ dự án đầu tư công trình nước sạch phục vụ cộng đồng dân cư nông thôn: Là gói sản phẩm tín dụng chuyên biệt nhằm tài trợ vốn cho các dự án đầu tư công trình cấp nước sạch phục vụ cộng đồng dân cư nông thôn với nhiều ưu đãi vượt trội:

- + Hỗ trợ doanh nghiệp có đủ nguồn vốn để thực hiện đầu tư các công trình nước sạch phục vụ cộng đồng dân cư nông thôn;
- + Các điều kiện tín dụng áp dụng phù hợp với đặc thù của dự án đầu tư công trình nước sạch;
- + Chấp nhận tài sản bảo đảm là các công trình và tài sản hình thành từ vốn vay.

Tài trợ trọn gói cho doanh nghiệp xây lắp: NCB cung cấp gói tài chính tổng thể cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đáp ứng kịp thời các nhu cầu về dịch vụ, nguồn vốn để thực hiện các Hợp đồng với nhiều ưu đãi lớn với mức cho vay tối đa 90% trên giá trị tài sản bảo đảm, thời hạn cho vay: tối đa 12 tháng, được hưởng các ưu đãi về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất, phí theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.

- **Thanh toán quốc tế**

Dịch vụ nhận, thanh toán chuyển tiền quốc tế: Với hệ thống swift kết nối rộng rãi, NCB cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp có nhu cầu nhận/chuyển tiền đi nước ngoài:

- + Thủ tục đơn giản, nhanh chóng.
- + Tiền được chuyển nhanh, an toàn, chi phí thấp.
- + Có thể chuyển nhiều loại ngoại tệ khác nhau.
- + Thông tin về mọi giao dịch của khách hàng được bảo mật tuyệt đối.

Nhờ thu xuất và nhập khẩu: NCB cung cấp dịch vụ nhờ thu xuất và khẩu, bao gồm:

Nhờ thu xuất khẩu:

- + Kiểm tra nội dung bộ chứng từ và lưu ý khách hàng về khác biệt trên chứng từ và gợi ý sửa đổi (nếu có).
- + Tư vấn nghiệp vụ nhằm giảm thiểu rủi ro và chi phí.
- + Hỗ trợ khách hàng theo dõi hành trình của bộ chứng từ.
- + Đôn đốc thanh toán từ Ngân hàng nước ngoài và ghi có ngay khi nhận diện báo có.
- + An toàn và bảo mật thông tin.
- + Quy trình đơn giản và ít tổn phí.

Nhờ thu nhập khẩu:

- + Nhờ thu nhập khẩu là hình thức người nhập khẩu ủy quyền cho Ngân hàng nhận, kiểm tra, thông báo chứng từ do Ngân hàng của người xuất khẩu chuyển đến và thanh toán tiền theo yêu cầu của người xuất khẩu.
- + NCB sẽ thực hiện các lệnh thanh toán theo chỉ dẫn của Ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp xuất khẩu chuyển đến và thanh toán tiền theo yêu cầu của người xuất khẩu.
- + Thủ tục thanh toán nhanh chóng với chi phí hợp lý, khi nhận được bộ chứng từ nhờ thu từ Ngân hàng nước ngoài gửi đến, NCB thông báo cho Quý khách ngay trong ngày. Bộ chứng từ sẽ được giao cho Quý khách sau khi Quý khách thanh toán (đối với nhờ thu trả ngay D/P) hoặc chấp nhận thanh toán (đối với nhờ thu trả chậm D/A).
- + Phương thức thanh toán quốc tế tiết kiệm và an toàn, linh hoạt với doanh nghiệp.

L/C xuất khẩu: Với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, NCB cung cấp dịch vụ L/C xuất khẩu với mục đích hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp kiểm tra và gửi BCT yêu cầu thanh toán tiền đi nước ngoài:

- + Được đảm bảo thanh toán khi bộ chứng từ xuất trình phù hợp.
- + Được Ngân hàng tư vấn đề xuất trình BCT XK hoàn hảo với các điều kiện và điều khoản của L/C.
- + Có thể được chiết khấu bộ chứng từ L/C để có tiền sử dụng trước.

- + Cân bằng rủi ro khi tham gia vào hoạt động xuất khẩu.

L/C nhập khẩu: Khi sử dụng dịch vụ này Khách hàng sẽ được NCB hướng dẫn chi tiết từ khi lập đơn phát hành L/C đến khi thanh toán tiền hàng cho nước ngoài với mức phí cạnh tranh:

- + Giúp cho bên nhập khẩu giảm bớt áp lực về vốn.
- + Có thể được tài trợ vốn thông qua miễn giảm tỉ lệ kí quỹ phát hành L/C hoặc cho vay vốn.
- + Hỗ trợ tư vấn các điều khoản và các sửa đổi (nếu có) hợp lý để đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp.
- + Giúp doanh nghiệp làm thủ tục nhận hàng khi bộ chứng từ đầy đủ chưa về mà mới chỉ có bản gốc/bản sao của vận đơn đường biển hoặc bản gốc của vận đơn hàng không.
- + Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xử lý chứng từ nhằm giảm thiểu những rủi ro trong thanh toán.
- + Mức phí cạnh tranh.

Ngoài ra NCB còn cung cấp các dịch vụ khác cho các khách hàng doanh nghiệp bao gồm:

- Tài trợ thương mại: Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng; Chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán L/C; UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay); Chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán nhờ thu.
- Sản phẩm ngoại hối: Giao dịch giao ngay; Giao dịch kỳ hạn; Giao dịch hoán đổi.
- Dịch vụ bảo lãnh: Bảo lãnh vay vốn; Bảo lãnh dự thầu; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng; Bảo lãnh bảo hành; Bảo lãnh thanh toán; Bảo lãnh nộp thuế; Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai; Bảo lãnh đối ứng và các loại bảo lãnh khác theo quy định của pháp luật.
- Dịch vụ khác: Gói sản phẩm trả lương Payroll; Giao dịch qua fax; Dịch vụ chuyển tiền trong nước; Dịch vụ thu hộ; Dịch vụ xác nhận ký quỹ thành lập doanh nghiệp.

6.1.2 Hoạt động huy động vốn

Hoạt động huy động vốn là hoạt động kinh doanh chủ yếu của NCB. Nhằm tạo sự ổn định trong việc thu hút các nguồn vốn, phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã sử dụng nhiều giải pháp như huy động từ khu vực dân cư, các tổ chức kinh tế và thị trường liên Ngân hàng, sử dụng công cụ lãi suất linh hoạt phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng, tận dụng các ưu thế của Ngân hàng để thu hút vốn từ khu dân cư và các tổ chức kinh tế khác.

Thực hiện mục tiêu chiến lược Hiệu quả và Bền vững, năm 2017 NCB đã luôn duy trì hệ số Cho vay/ Huy động (LDR) ở mức chắc chắn dưới 80% và tập trung cho việc điều chỉnh cơ cấu huy động theo hướng hiệu quả hơn.

❖ Cơ cấu nguồn vốn huy động

Hiện tại NCB huy động từ nhiều kênh khác nhau, tuy nhiên hai kênh chính NCB khai thác bao gồm huy động vốn từ khu vực dân cư và các tổ chức kinh tế (thị trường 1) và huy động vốn từ các tổ chức tín dụng khác (thị trường 2).

Bảng 8: Cơ cấu huy động của NCB tại báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.209.304	1,87%	-	0,00%	1.244.200	1,84%
II	Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	20.697.013	31,94%	15.724.536	23,45%	9.757.537	14,45%
1	Tiền gửi không kỳ hạn	6.697.206	10,33%	7.026.639	10,48%	6.349.686	9,41%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	6.697.144	10,33%	7.026.570	10,48%	6.349.619	9,41%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	62	0,00%	69	0,00%	67	0,00%
2	Tiền gửi có kỳ hạn	9.652.265	14,89%	3.851.968	5,74%	2.106.707	3,12%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9.652.265	14,89%	3.762.268	5,61%	2.106.707	3,12%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	-	0,00%	89.700	0,13%	-	0,00%
3	Vay các TCTD khác	4.347.542	6,71%	4.845.929	7,23%	1.301.144	1,93%
	- Vay bằng VND	3.904.362	6,03%	4.352.579	6,49%	1.301.144	1,93%
	- Vay bằng ngoại tệ	443.180	0,68%	493.350	0,74%	-	0,00%
III	Tiền gửi của Khách hàng	41.791.706	64,49%	45.719.622	68,18%	47.148.818	69,85%
1	Tiền gửi không kỳ hạn	2.276.865	3,51%	3.661.324	5,46%	4.020.291	5,96%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.236.499	3,45%	3.616.501	5,39%	3.941.747	5,84%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	40.366	0,06%	44.823	0,07%	78.544	0,12%
2	Tiền gửi có kỳ hạn	39.320.096	60,68%	41.870.807	62,44%	42.921.430	63,58%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	37.083.598	57,23%	39.676.860	59,16%	40.203.446	59,56%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.236.498	3,45%	2.193.947	3,27%	2.717.984	4,03%
3	Tiền gửi vốn chuyên dùng	216	0,00%	37.446	0,06%	25.192	0,04%

4	Tiền gửi ký quỹ	194.529	0,30%	150.045	0,22%	181.905	0,27%
IV	Phát hành giấy tờ có giá	918.687	1,42%	5.399.353	8,05%	9.184.275	13,61%
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	185.439	0,29%	218.455	0,33%	170.063	0,25%
Tổng cộng		64.802.149	100,00%	67.061.966	100,00%	67.504.893	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Bảng 9: Cơ cấu huy động của NCB tại báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.209.304	1,86%	-	0,00%	1.244.200	1,84%
II	Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	20.697.013	31,91%	15.724.536	23,42%	9.757.537	14,44%
1	Tiền gửi không kỳ hạn	6.697.206	10,33%	7.026.639	10,47%	6.349.686	9,40%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	6.697.144	10,33%	7.026.570	10,47%	6.349.619	9,40%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	62	0,00%	69	0,00%	67	0,00%
2	Tiền gửi có kỳ hạn	9.652.265	14,88%	3.851.968	5,74%	2.106.707	3,12%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9.652.265	14,88%	3.762.268	5,60%	2.106.707	3,12%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	-	0,00%	89.700	0,13%	-	0,00%
3	Vay các TCTD khác	4.347.542	6,70%	4.845.929	7,22%	1.301.144	1,93%
	- Vay bằng VND	3.904.362	6,02%	4.352.579	6,48%	1.301.144	1,93%
	- Vay bằng ngoại tệ	443.180	0,68%	493.350	0,73%	-	0,00%
III	Tiền gửi của Khách hàng	41.848.293	64,52%	45.788.652	68,21%	47.216.617	69,88%
1	Tiền gửi không kỳ hạn	2.307.513	3,56%	3.684.374	5,49%	4.041.725	5,98%

	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.267.147	3,50%	3.639.551	5,42%	3.963.181	5,87%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	40.366	0,06%	44.823	0,07%	78.544	0,12%
2	Tiền gửi có kỳ hạn	39.346.035	60,66%	41.916.787	62,44%	42.967.795	63,59%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	37.109.537	57,22%	39.722.840	59,17%	40.249.811	59,57%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.236.498	3,45%	2.193.947	3,27%	2.717.984	4,02%
3	Tiền gửi vốn chuyên dùng	216	0,00%	37.446	0,06%	25.192	0,04%
4	Tiền gửi ký quỹ	194.529	0,30%	150.045	0,22%	181.905	0,27%
IV	Phát hành giấy tờ có giá	918.687	1,42%	5.399.353	8,04%	9.184.275	13,59%
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	185.439	0,29%	218.455	0,33%	170.063	0,25%
	Tổng cộng	64.858.736	100,00%	67.130.996	100,00%	67.572.692	100,00%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC quý IV năm 2018)

Cũng như các tổ chức tín dụng khác, nguồn vốn huy động của NCB chủ yếu từ thị trường 1 là các khoản tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu từ 65% - 69% tổng huy động hàng năm. Với việc đặt mục tiêu đẩy mạnh giá trị và ổn định tỷ lệ giữa hai thị trường đã giúp NCB ổn định dòng vốn cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Với các sản phẩm dịch vụ đa dạng đã được thể hiện vào kết quả khả quan trong việc huy động nguồn vốn nhân rộng từ dân cư, đóng góp đáng kể vào hoạt động huy động vốn trong năm 2016, 2017 và năm 2018 của NCB. Nguồn vốn huy động từ các đối tượng khách hàng gia tăng là một tín hiệu tốt, chứng tỏ uy tín thương hiệu NCB ngày càng vững mạnh.

❖ **Cơ cấu tiền gửi của Khách hàng**

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	2.276.865	5,45%	3.661.324	8,01%	4.020.291	8,53%
- Bằng VND	2.236.499	5,35%	3.616.501	7,91%	3.941.747	8,36%

- Bảng ngoại hối	40.366	0,10%	44.823	0,10%	78.544	0,17%
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	39.320.096	94,09%	41.870.807	91,58%	42.921.430	91,03%
- Bảng VND	37.083.598	88,73%	39.676.860	86,78%	40.203.446	85,27%
- Bảng ngoại hối	2.236.498	5,35%	2.193.947	4,80%	2.717.984	5,76%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	216	0,00%	37.446	0,08%	25.192	0,05%
Tiền gửi ký quỹ	194.529	0,47%	150.045	0,33%	181.905	0,39%
Tổng	41.791.706	100,00%	45.719.622	100,00%	47.148.818	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Bảng 11: cấu tiền gửi của khách hàng tại báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	2.307.513	5,51%	3.684.374	8,05%	4.041.725	8,56%
- Bảng VND	2.267.147	5,42%	3.639.551	7,95%	3.963.181	8,39%
- Bảng ngoại hối	40.366	0,10%	44.823	0,10%	78.544	0,17%
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	39.346.035	94,02%	41.916.787	91,54%	42.967.795	91,00%
- Bảng VND	37.109.537	88,68%	39.722.840	86,75%	40.249.811	85,25%
- Bảng ngoại hối	2.236.498	5,34%	2.193.947	4,79%	2.717.984	5,76%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	216	0,00%	37.446	0,08%	25.192	0,05%
Tiền gửi ký quỹ	194.529	0,46%	150.045	0,33%	181.905	0,39%
Tổng	41.848.293	100,00%	45.788.652	100,00%	47.216.617	100,00%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018)

Trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng, chiếm tỷ trọng lớn nhất là nhóm tiền gửi có kỳ hạn, với tỷ trọng luôn ở mức trên 90%, sau đó là đến nhóm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi vốn chuyên dùng và ký quỹ chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể.

Cơ cấu tiền gửi không kỳ hạn tăng lên cả về giá trị và tỷ trọng thông qua việc tập trung đưa ra các dịch vụ Ngân hàng giao dịch, tăng giao dịch của khách hàng qua các kênh như Thẻ, Ngân hàng số (NCB Smart). Đây chính là cơ sở để NCB thực hiện mạnh mẽ hơn việc giảm chi phí huy động, cải thiện NIM (biên lãi ròng) trong giai đoạn phát triển tới.

Trong thời gian vừa qua, NCB cũng đã thành công trong việc tiếp cận và thiết lập giao dịch với nhiều tổ chức, doanh nghiệp lớn để thu hút nguồn tiền gửi không kỳ hạn cũng như tạo nguồn vốn chiến lược cho nhu cầu dự trữ thanh khoản; đồng thời tiếp tục cải thiện tập trung thúc đẩy

huy động các nguồn vốn giá tốt là ngoại tệ (USD), nguồn tiền gửi từ các công ty bảo hiểm, Bancassurance (Mô hình kết hợp giữa Ngân hàng và bảo hiểm) và tăng cường huy động từ sản phẩm chứng chỉ tiền gửi.

❖ **Cơ cấu tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**

Bảng 12: Cơ cấu tiền gửi và vay các TCTD khác tại báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn của TCTD khác	6.697.206	32,36%	7.026.639	44,69%	6.349.686	65,07%
- Bằng VND	6.697.144	32,36%	7.026.570	44,69%	6.349.619	65,07%
- Bằng ngoại hối	62	0,0003%	69	0,0004%	67	0,00%
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn của TCTD khác	9.652.265	46,64%	3.851.968	24,50%	2.106.707	21,59%
- Bằng VND	9.652.265	46,64%	3.762.268	23,93%	2.106.707	21,59%
- Bằng ngoại hối	-	0,00%	89.700	0,57%	-	0,00%
Tiền vay các TCTD khác	4.347.542	21,01%	4.845.929	30,82%	1.301.144	13,33%
- Bằng VND	3.904.362	18,86%	4.352.579	27,68%	1.301.144	13,33%
- Bằng ngoại hối	443.180	2,14%	493.350	3,14%	-	0,00%
Tổng (*)	20.697.013	100,00%	15.724.536	100,00%	9.757.537	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Cơ cấu tiền gửi và vay các TCTD khác tại các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 12 Cơ cấu tiền gửi và vay các TCTD khác tại các BCTC hợp nhất nêu trên.

6.1.3 Hoạt động tín dụng

❖ **Dư nợ vay**

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế nhu cầu vốn đầu tư tăng cao nên hoạt động tín dụng của các Ngân hàng diễn ra rất sôi động. Đến thời điểm 31/12/2017, dư nợ cho vay khách hàng của NCB đạt 32.110 tỷ đồng, tăng 26,66% so với cùng kỳ năm 2016. Tại thời điểm 31/12/2018, tổng dư nợ cho vay khách hàng của NCB là 35.674 tỷ đồng, tăng 11,10% so với cùng kỳ năm 2017.

NCB luôn chú trọng cho mục tiêu phát triển bền vững đối với công tác sử dụng vốn, đặc biệt là đối với hoạt động cho vay khách hàng. Bên cạnh việc tiếp tục tăng cường hơn chất lượng cho các sản phẩm chiến lược Nhà - Xe trong phân khúc bán lẻ, Trong thời gian vừa qua NCB đã dần tái cấu trúc danh mục cho vay sang các phân khúc khách hàng hiệu quả hơn, đặc biệt là cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), tập trung khai thác khách hàng vay

ngắn hạn - vốn lưu động, các sản phẩm cho vay có margin cao đem lại hiệu quả lợi nhuận tốt, gói sản phẩm tiêu dùng tín chấp và các chương trình cho vay đặc thù. Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn cũng được cải thiện, nợ ngắn hạn trong tổng dư nợ đã tăng từ 31,87% tại thời điểm 31/12/2016 lên 41,78% tại thời điểm 31/12/2017, tại thời điểm 31/12/2018 con số này là 41,65%; trong khi cho vay dài hạn đã giảm từ 33,20% tại thời điểm 31/12/2016 xuống 30,85% tại thời điểm 31/12/2017, tại thời điểm 31/12/2018 con số này là 30,93%

Bên cạnh đó, NCB cũng đã cơ cấu lại danh mục cho vay theo hướng giảm dần/hạn chế cho vay, các khoản đầu tư không hiệu quả. Đồng thời NCB cũng tăng cường cho vay theo các sản phẩm đặc thù vùng/miền nhằm khai thác hiệu quả phân khúc thị trường ngách tại địa phương (như: cho vay làng nghề tại Bắc Ninh, Bắc Giang; cho vay tiểu thương tại Huế/miền Trung; cho vay nông nghiệp nông thôn tại Miền Tây Nam Bộ, cho vay thông qua đối tác ViettelPost tại Sài Gòn, ...); tập trung khai thác hiệu quả nhóm khách hàng Hệ sinh thái, cho vay đối tác liên kết với NCB.

Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay tại báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	8.079.759	31,87%	13.415.050	41,78%	14.856.703	41,65%
2	Nợ trung hạn	8.855.917	34,93%	8.790.499	27,38%	9.781.943	27,42%
3	Nợ dài hạn	8.416.542	33,20%	9.905.037	30,85%	11.035.465	30,93%
Tổng (*)		25.352.218	100,00%	32.110.586	100,00%	35.674.111	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

(*) Tổng nợ TTI bao gồm: Cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân + Chiết khấu + thẻ tín dụng. Không bao gồm các khoản đầu tư TPĐN và nợ được mua từ TCTD khác

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay tại các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay tại BCTC hợp nhất nêu trên.

Bảng 14: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Cho vay tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	25.098.067	99,00%	31.921.700	99,41%	35.509.285	99,54%

2	Cho vay chiết khấu công cụ chuyên nhượng và các giấy tờ có giá	26.180	0,10%	11.058	0,03%	24.048	0,07%
3	Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	227.970	0,90%	177.828	0,55%	140.778	0,39%
4	Cho vay đối với đối tượng cá nhân tổ chức nước ngoài	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
	Tổng (*)	25.352.217	100,00%	32.110.586	100,00%	35.674.111	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

(*) Tổng nợ TT1 bao gồm: Cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân + Chiết khấu + thẻ tín dụng. Không bao gồm các khoản đầu tư TPĐN và nợ được mua từ TCTD khác

Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 14: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng tại BCTC hợp nhất nêu trên.

Bảng 15: Dư nợ cho vay theo mục đích vay theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Nông nghiệp và lâm nghiệp	0	0,00%	107.139	0,33%	91.485	0,26%
2	Công nghiệp chế biến chế tạo	492.610	1,94%	1.233.156	3,84%	1.095.271	3,07%
3	Xây dựng	8.376.886	33,04%	6.473.261	20,16%	8.813.788	24,71%
4	Bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	1.348.705	5,32%	1.408.482	4,39%	1.177.741	3,3%
5	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	632.546	2,50%	868.928	2,71%	1.074.829	3,01%
6	Vận tải kho bãi	421.929	1,66%	7.274.380	22,65%	5.405.958	15,15%
7	Hoạt động tài chính, Ngân hàng và bảo hiểm	5.419	0,02%	4.926.544	15,34%	3.390.591	9,5%
8	Giáo dục và đào tạo	0	0,00%	1.140	0,00%	770	0,00%

25
GT
HVN
EV
/ XI

9	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	42.982	0,17%	58.935	0,18%	51.038	0,14%
10	Hoạt động dịch vụ khác	10.340.626	40,79%	2.438.363	7,59%	4.399.402	12,33%
11	Sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình	3.690.514	14,56%	7.320.258	22,80%	10.173.239	28,52%
	Tổng (*)	25.352.217	100,00%	32.110.586	100,00%	35.674.111	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

(*) Tổng nợ TTI bao gồm: Cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân + Chiết khấu + thẻ tín dụng. Không bao gồm các khoản đầu tư TPDN và nợ được mua từ TCTD khác

Dư nợ cho vay theo mục đích vay tại các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 15: Dư nợ cho vay theo mục đích vay tại BCTC hợp nhất nêu trên.

Cơ cấu nợ vay của NCB tương đối hài hòa về kỳ hạn vay nhưng có sự phân hóa đối với ngành nghề kinh doanh. Chiếm tỷ trọng lớn và ổn định các khoản cho vay của NCB trong năm 2016 và 2017 là các khoản vay thuộc nhóm ngành xây dựng, sản xuất sản phẩm và dịch vụ tiêu dùng gia đình, nhóm ngành vận tải kho bãi, tài chính, Ngân hàng và bảo hiểm cũng chiếm tỷ trọng cao nhưng không giữ được sự ổn định qua các năm. Trong năm 2018, Ngân hàng vẫn duy trì các khoản cho vay cũ và cho vay thêm một số khách hàng mới.

❖ Chất lượng tín dụng

NCB luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt nhất. Do vậy, danh mục tín dụng của NCB luôn được xem xét và kiểm soát chặt chẽ đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro tín dụng có thể xảy ra. Trong những năm gần đây, với việc áp dụng nghiêm ngặt quy trình tín dụng, chính sách phân loại nợ và lập dự phòng đầy đủ, Ngân hàng đã duy trì được chất lượng danh mục tín dụng tốt, kiểm soát nợ xấu chặt chẽ. NCB thực hiện phân loại theo phương pháp định lượng, tại thời điểm cuối năm 2017 tỷ lệ nợ xấu theo nhóm nợ NCB tự phân loại là 1,53%. Tính đến ngày 31/12/2018 tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên mức 1,67%.

Bảng 16: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	23.493.409	92,67%	30.440.139	94,80%	33.734.193	94,56%
2	Nợ cần chú ý	1.482.433	5,85%	1.178.136	3,67%	1.344.159	3,77%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	150.144	0,59%	118.105	0,37%	124.077	0,35%

4	Nợ nghi ngờ	22.298	0,09%	90.580	0,28%	168.193	0,47%
5	Nợ có khả năng mất vốn	203.933	0,80%	283.626	0,88%	303.489	0,85%
7	Tổng (*)	25.352.217	100,00%	32.110.586	100,00%	35.674.111	100,00%
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,48%		1,53%		1,67%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

(*) Tổng nợ TTI bao gồm: Cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân + Chiết khấu + thê tín dụng. Không bao gồm các khoản đầu tư TPDN và nợ được mua từ TCTD khác.

Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 16: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu theo BCTC hợp nhất nêu trên.

Sau khi tham chiếu CIC theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN, cơ cấu dư nợ theo nhóm nợ và tỷ lệ nợ xấu của NCB như sau:

Bảng 17: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu (sau khi tham chiếu nhóm nợ cao hơn tại TCTD khác)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	25.240.859	92,15%	30.997.679	92,75%	34.135.151	93,8%
2	Nợ cần chú ý	1.604.994	5,86%	1.842.560	5,51%	1.586.710	4,4%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	208.328	0,76%	131.961	0,39%	146.318	0,4%
4	Nợ nghi ngờ	68.514	0,25%	114.516	0,34%	201.434	0,6%
5	Nợ có khả năng mất vốn	268.657	0,98%	332.423	0,99%	336.054	0,9%
6	Tổng cộng (*)	27.391.351	100%	33.419.140	100%	36.405.665	100%
7	Tỷ lệ nợ xấu	1,99%		1,73%		1,88%	

(*) Tổng nợ TTI bao gồm: Cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân + Chiết khấu + thê tín dụng + các khoản đầu tư TPDN. Không bao gồm nợ được mua từ TCTD khác.

Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu (sau khi tham chiếu nhóm nợ cao hơn tại TCTD khác) theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 17: Phân loại nợ và tỷ lệ nợ xấu (sau khi tham chiếu nhóm nợ cao hơn tại TCTD khác) theo BCTC hợp nhất nêu trên.

❖ **Dự phòng rủi ro tín dụng**

Hiện tại, Theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN trên, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự

phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư số 02 và Thông tư số 09.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Bảng 18: Trích lập dự phòng theo các nhóm nợ

Stt	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Bảng 19: Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và các cam kết ngoại bảng theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Dự Phòng lũy kế tại các thời điểm		
		31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Dự phòng cho vay tổ chức tín dụng	-	-	-
2	Dự phòng cho vay khách hàng	290.310	359.247	392.582
3	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	-	-	75
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	20.000	92.964	85.487
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	6.918	9.918	9.918
	Tổng	317.228	462.129	488.062

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và các cam kết ngoại bảng theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 19: Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và các cam kết ngoại bảng theo BCTC hợp nhất nêu trên.

❖ **Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu**

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của NCB được tính phù hợp với quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật có liên quan. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất tại thời điểm 31/12/2016, của NCB là 10,58%; CAR hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017 là 9,27%. Tại thời điểm 31/12/2018, tỷ lệ an toàn vốn hợp

nhất của NCB là 9,58%. Như vậy, các tỷ lệ CAR hợp nhất/riêng lẻ của NCB luôn tuân thủ mức tối theo quy định.

6.1.4 Hoạt động thanh toán

Hoạt động thanh toán là một trong những hoạt động thế mạnh của NCB, với doanh thu từ hoạt động thanh toán năm 2017 đạt 27,5 tỷ đồng tăng 47,06% so với năm 2016. Trong năm 2018, thu từ hoạt động thanh toán đạt 32,55 tỷ đồng tăng 18,31% so với cùng kỳ năm trước, đây là mảng dịch vụ Ngân hàng đang đầu tư mạnh để phát triển.

❖ Thanh toán trong nước

Năm 2016, NCB thực hiện chuyển đổi thành công giải pháp Ngân hàng lõi (Core Banking). Với sự thay đổi về công nghệ và việc mở rộng mạng lưới giao dịch, mạng lưới Ngân hàng đối tác của NCB nên chất lượng dịch vụ thanh toán trong nước được nâng cao rõ rệt, tính tự động trong xử lý giao dịch, chuyên tiền internet banking, giao dịch thanh toán ngày càng cao. Cụ thể năm 2016, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của NCB đạt 492.925 giao dịch tăng 02 lần so với năm 2015.

NCB cũng nâng cấp giao diện và mở rộng thêm nhiều tiện ích và sản phẩm, ưu đãi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ internet banking, thời gian giao dịch internet banking là 24/7, tốc độ xử lý lệnh nhanh nên tiếp tục thu hút thêm số lượng lớn khách hàng sử dụng. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ Internet banking tại NCB để chuyên tiền trong nước chiếm tỷ trọng 45-50% giao dịch.

❖ Hoạt động thanh toán quốc tế

Tiếp tục phát huy lợi thế về chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế và sự đa dạng, hiệu quả các sản phẩm dịch vụ tài trợ thương mại, hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của NCB có tỷ lệ tăng trưởng doanh số khá ấn tượng. Cụ thể so với năm 2015, các giao dịch chuyển tiền quốc tế, thanh toán nhờ thu xuất khẩu, nhập khẩu, thanh toán L/C xuất nhập khẩu trong năm 2016 đều tăng từ 1,5 – 2 lần. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế & tài trợ thương mại, NCB đã thực hiện chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên các quy trình nghiệp vụ, áp dụng chuẩn thời gian xử lý giao dịch TTQT (Cam kết chất lượng dịch vụ) và tổ chức các khóa đào tạo cho giao dịch viên, chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp trên toàn hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày một gia tăng của khách hàng.

6.1.5 Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Với tình hình thị trường ngoại hối Việt Nam và thế giới biến động khó lường trong giai đoạn năm 2016 - 2018, hoạt động kinh doanh ngoại tệ và kinh doanh chênh lệch giá trên thị trường liên ngân hàng của NCB đã chịu các khoản lỗ qua các năm.

Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<i>Thu từ hoạt động ngoại hối</i>	421.876	1.705.157	662.324
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và chênh lệch đánh giá ngoại tệ kinh doanh	259.556	832.264	508.123

- Thu từ kinh doanh vàng	30	724	-
- Thu từ các công cụ tài chính phát sinh tiền tệ	162.290	872.169	154.201
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	482.222	1.732.014	684.110
- Chi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và chênh lệch đánh giá ngoại tệ kinh doanh	292.455	771.987	495.722
- Chi từ kinh doanh vàng	30	362	-
- Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	189.737	959.665	188.388
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(60.346)	(26.857)	(21.786)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối theo BCTC hợp nhất nêu trên.

6.1.6 Hoạt động đầu tư

Chiến lược đầu tư của NCB là chú trọng đầu tư chiến lược vào các công ty có năng lực sản xuất kinh doanh tốt, có triển vọng phát triển, tăng cường hợp tác chiến lược với các cổ đông lớn, các đối tác tiềm năng nhằm mục đích đa dạng hóa nguồn thu, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư sinh lời cao, tăng năng lực sử dụng vốn chủ sở hữu, phát triển cơ sở hạ tầng, mạng lưới khách hàng cho Ngân hàng.

Các hoạt động đầu tư chủ yếu của NCB bao gồm:

- Chứng khoán đầu tư
- Góp vốn, đầu tư dài hạn

Bảng 21: Kết quả hoạt động đầu tư theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	626.934	766.586	765.990
2	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28.007	110.022	(22.034)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Kết quả hoạt động đầu tư theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 21: Kết quả hoạt động đầu tư theo BCTC hợp nhất nêu trên.

❖ Chứng khoán đầu tư

Danh mục chứng khoán đầu tư chiếm tỷ trọng trên 95% tổng vốn đầu tư của toàn danh mục vào cuối năm 2016, năm 2017 và năm 2018. Trong đó chủ yếu là các chứng khoán nợ (bao gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu chính phủ, trái phiếu kho bạc, trái phiếu của tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp,... và các công cụ nợ khác).

Bảng 22: Chứng khoán đầu tư theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	Chứng khoán sẵn sàng để bán	11.233.021	7.461.419	8.864.536
1	Chứng khoán nợ	11.233.021	7.461.419	8.864.536
	- Chứng khoán chính phủ	10.183.021	4.461.350	5.928.452
	- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	1.050.000	3.000.069	2.936.084
II	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	7.872.799	8.008.763	7.268.409
1	Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	7.892.799	8.101.727	7.353.896
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(20.000)	(92.964)	(85.487)
	Tổng	19.105.820	15.470.182	16.132.945

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Chứng khoán đầu tư theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 22: Chứng khoán đầu tư theo BCTC hợp nhất nêu trên.

❖ **Góp vốn đầu tư dài hạn**

Tính đến hết 31/12/2018 danh mục vốn đầu tư liên doanh, và các khoản đầu tư dài hạn khác theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt giá trị 709,682 tỷ đồng, không thay đổi so với cuối năm 2017.

Bảng 23: Danh mục góp vốn đầu tư dài hạn khác theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Các khoản đầu tư dài hạn khác	869.600	719.600	719.600
2	Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(6.918)	(9.918)	(9.918)
	Tổng	862.682	709.682	709.682

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Bảng 24: Danh mục góp vốn đầu tư dài hạn khác theo báo cáo tài chính của công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Đầu tư vào công ty con	50.000	50.000	50.000
2	Các khoản đầu tư dài hạn khác	869.600	719.600	719.600
3	Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(6.918)	(9.918)	(9.918)

	Tổng	912.682	759.682	759.682
--	-------------	----------------	----------------	----------------

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018)

❖ **Quản trị rủi ro và dự phòng giảm giá chứng khoán**

NCB tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn mức và giới hạn lĩnh vực đầu tư theo quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật. Danh mục đầu tư của Ngân hàng được định giá thường xuyên và định kỳ, công tác quản trị rủi ro đầu tư và dự phòng tổn thất được chú trọng quan tâm, tại thời điểm 31/12/2018 dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư là 85,48 tỷ đồng.

6.1.7 Hoạt động bảo lãnh

Các sản phẩm bảo lãnh chủ yếu của NCB bao gồm bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng, Bảo lãnh bảo hành, Bảo lãnh thanh toán, Bảo lãnh nộp thuế, Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai, Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai.....

Bảng 25: Thu từ bảo lãnh phát hành theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	49.093	80.984	73.205

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Thu từ bảo lãnh phát hành theo các BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018 giống như Bảng 25: Thu từ bảo lãnh phát hành theo BCTC hợp nhất nêu trên.

6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

NCB tiếp tục tăng cường duy trì mô hình quản trị rủi ro 3 cấp, tất cả thành viên trong hệ thống đều phải tham gia vào quá trình quản trị rủi ro. Mô hình này đảm bảo mọi rủi ro trong hoạt động của NCB đều được nhận dạng, đánh giá, đo lường, kiểm soát, khắc phục, thực hiện theo dõi và báo cáo rủi ro trong suốt quá trình quản trị. Năm 2016, NCB đã xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng an toàn hoạt động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến, cơ cấu lại toàn bộ bộ máy tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, khoa học, hiệu quả, an toàn và đảm bảo sự rõ ràng trách nhiệm của từng đơn vị, từng cá nhân, nhằm tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng, tối đa hóa hiệu suất hoạt động và giảm thiểu rủi ro. NCB thực hiện quản trị rủi ro hoạt động ở hầu hết các mảng như: nhân sự, công nghệ, dịch vụ..., đảm bảo các văn bản quy trình, quy chế, sản phẩm mới đều được kiểm soát rủi ro trước khi ban hành. Công tác quản trị rủi ro tín dụng tiếp tục triển khai theo hướng chuyên môn hóa và tập trung tại Hội sở. Chức năng, quyền hạn được phân tách rõ ràng giữa bộ máy phê duyệt cấp tín dụng và bộ máy phê duyệt xử lý rủi ro tín dụng. Công tác xây dựng chính sách, thẩm định tín dụng, phê duyệt tín dụng, tác nghiệp tín dụng, giám sát tín dụng được chuyên biệt hóa và đảm bảo tính độc lập, hiệu quả trong việc quản lý rủi ro thường xuyên tại các bước trước, trong và sau giải ngân. Trong đó hệ thống giám sát tín dụng được triển khai độc lập và theo dõi trên cả phương thức kiểm soát từ xa thông qua hệ thống phần mềm Corebanking và hệ thống kiểm tra trực tiếp để

giám sát và cảnh báo sớm các rủi ro tín dụng có thể xảy ra. Hệ thống văn bản quy định tín dụng được xây dựng hoàn chỉnh hơn, phù hợp hơn với định hướng phát triển của NCB và tuân thủ quy định của Ngân hàng nhà nước; các sản phẩm tín dụng được kiểm soát rủi ro bằng các giới hạn nợ xấu theo từng phân khúc khách hàng, từng sản phẩm. Định kỳ hàng ngày/tháng, NCB thực hiện báo cáo các giới hạn an toàn thanh khoản, an toàn vốn tới Ngân hàng nhà nước, đồng thời thực hiện kiểm soát, dự báo, cảnh báo các tỷ lệ an toàn thanh khoản, an toàn vốn tới các đơn vị liên quan để các đơn vị theo dõi và kịp thời có biện pháp xử lý nếu vi phạm.

Cùng với việc hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, NCB cũng đã và đang triển khai các công tác nghiên cứu, đầu tư, cải tiến nâng cấp các công cụ trong quản trị rủi ro. Đồng thời, nhằm đảm bảo tuân thủ theo Thông tư 41/2016/ TT-NHNN – Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành ngày 30/12/2016, cũng như nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro, nâng cao hình ảnh và vị thế của NCB, từ năm 2017, NCB cũng triển khai dần các cấu phần theo từng mảng rủi ro để phù hợp với Thông tư 41 và thông lệ quốc tế.

NCB tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa rủi ro, nhận thức và quản trị rủi ro sâu rộng hơn trên toàn Ngân hàng thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đều đặn và liên tục

NCB luôn hướng tới xây dựng một hệ thống minh bạch, tin cậy đối với các khách hàng và đối tác. Văn hóa tuân thủ được xây dựng, phát huy và đề cao ở NCB. Các cán bộ nhân viên NCB nghiêm túc và đề cao tính tự giác tuân thủ, không dung túng, bao che các vi phạm.

Bên cạnh đó, còn chủ động cam kết thực hiện các chuẩn mực hành vi và đạo đức nghề nghiệp. Giá trị cốt lõi phải được tuân thủ từ cấp cao nhất đến các nhân sự thực hiện những công việc chi tiết nhất. Đạo đức nghề nghiệp của từng nhân viên là nền tảng của quản trị rủi ro. Trên tất cả, văn hóa rủi ro từng bước được xây dựng, theo đó, mỗi nhân viên NCB đều có trách nhiệm Quản trị rủi ro. Mọi nhân viên của NCB hiểu rõ các rủi ro phát sinh, kiểm soát các rủi ro là cách duy nhất để NCB phát triển bền vững và đạt được các mục tiêu chiến lược.

6.3 Thị trường hoạt động

6.3.1 Mạng lưới chi nhánh

Theo định hướng chiến lược phát triển của NCB, mạng lưới của NCB phần đầu mở mạng lưới đầy đủ tại các vùng miền, các tỉnh lẻ để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trên cả nước. Tính đến ngày 31/12/2017, mạng lưới NCB bao gồm: 01 Hộ sở chính; 24 chi nhánh; 66 phòng giao dịch. Danh sách chi nhánh, phòng giao dịch của NCB:

Bảng 26: Danh sách các chi nhánh, phòng giao dịch

Tên Chi Nhánh	Tên Phòng giao dịch trực thuộc	Địa chỉ
	PGD Nguyễn Văn Trỗi - HCM	287A Nguyễn Văn Trỗi, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Lê Hồng Phong - HCM	310 - 310A Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh
	PGD Bình Tân - HCM	268 đường Vành Đai Trong, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí

<p>CN SÀI GÒN Địa chỉ: 81-83- 83B85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh</p>		Mình
	PGD Tô Hiến Thành - HCM	175 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp HCM
	PGD Hậu Giang - HCM	05 - 5A Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Phan Đăng Lưu - HCM	22A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh. Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Cộng Hòa - HCM	18H Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Khánh Hội - HCM	175 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Lê Đại Hành - HCM	357D Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, Tp HCM
	PGD Cách mạng tháng tám - HCM	820 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Trần Hưng Đạo - HCM	314 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Bình Phú - HCM	161-163 Bình Phú, Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Võ Văn Tần - HCM	201 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Nguyễn Trãi - HCM	203 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Lê Văn Việt - HCM	101 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
	PGD Tân Hương - HCM	179-179A Đường Tân Hương, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Hàng Xanh - HCM	246B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Trường Chinh - HCM	458 - 460 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Quang Trung - HCM	100 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
PGD Tân Định	116 - 118 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	
PGD Phạm Ngọc Thạch - HCM	34 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	

	PGD 3 tháng 2 - HCM	1168D, đường 3 Tháng 2, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
	PGD Phú Mỹ Hưng - HCM	1473 KP.Mỹ Toàn 1 - H3, Đường Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Q.7- Phú Mỹ Hưng
	PGD Lạc Long Quân - HCM	246B - 248 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
	PGD Cầu Ông Lãnh - HCM	5-7 Trịnh Văn Cấn, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
CN BÌNH DƯƠNG Địa chỉ: 518 Đại lộ Bình Dương, p. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	PGD Dĩ An	33/22 - 34/22 Trần Hưng Đạo, KP Bình Minh 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
	PGD Thuận An	Thửa số 609 Khu phố' Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
CN VŨNG TÀU		153 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
CN ĐỒNG NAI Địa chỉ: Lô K33 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	PGD Long Khánh	593 Hùng Vương, Khu phố 3, Phường Xuân Hòa, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
CN LONG AN Địa chỉ: 86 Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	PGD Đức Hòa	Ấp Bình Tiên 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
CN TIỀN GIANG Địa chỉ: 17B6 - 12B7 đường Nguyễn Trãi, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	PGD Cai Lậy	15 Tỉnh lộ 868, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
CN CẦN THƠ Địa chỉ: 1/3F đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	PGD Ninh Kiều	28 Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

CN ĐỒNG THÁP		183 - 185 Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
CN HẬU GIANG		1099 Hùng Vương, Phường Ngã Bảy, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
CN KIÊN GIANG Địa chỉ: 56 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	PGD Rạch Sỏi	45 Cách Mạng Tháng Tám, P. Vĩnh Lợi, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
	PGD Trần Quang Khải	Lô L01, Đường Trần Quang Khải, Phường An Hoà, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
	PGD Công Tam Quan	395 Nguyễn Trung Trực, Phường Vĩnh Lạc, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
	PGD Phú Quốc	100A Đường 30/4, Khu phố' 1, TT Dương Đông, H. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
	PGD Tân Hiệp	40 Tổ 3, Khóm A, Thị trấn Tân Hiệp, Huyện Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang
CN AN GIANG		312/5B Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CN VĨNH LONG Địa chỉ: Số' 3D-3E Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	PGD Nguyễn Huệ	Số 132 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
CN BẠC LIÊU		B17 - 19, Lô B - Trung tâm thương mại, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
CN CÀ MAU		137F Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
CN ĐÀ NẴNG Địa chỉ: 441 Lê Duẩn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	PGD Trung Nữ Vương	219 Trung Nữ Vương, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
	PGD Hùng Vương	46 Hùng Vương, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
	PGD Nguyễn Văn Linh	46 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
	PGD Hòa Khánh	173 A Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q.Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng
	PGD Đống Đa	310 Đống Đa, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

	PGD Ngô Quyền	559 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
CN HUẾ Địa chỉ: 44 Đống Đa, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế'	PGD Đông Ba	271 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Hòa, Thành phố Huế', Tỉnh Thừa Thiên Huế'
	PGD Tây Lộc	168 Nguyễn Trãi, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế'
CN HÀ NỘI Địa chỉ: 28 C,D Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	PGD Khâm Thiên	157 Khâm Thiên, Phường Thổ' Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
	PGD Thái Hà	93 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
	PGD Hàng Cót	14 Hàng Cót, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
	PGD Ba Đình	81 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội.
	PGD Thái Thịnh	Căn 105-205-305 nhà A49 Khu TTQĐ, Thái Thịnh, Thịnh Quang, Đống Đa, Thành phố Hà Nội
	PGD Bát Đàn	41 Bát Đàn, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
	PGD Cầu Giấy	101-201 chung cư 5 tầng, lô số A2-DN1, KĐT Nghĩa Đô-Dịch Vọng, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
	PGD Láng Thượng	80 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
	PGD Trung Hòa	Số 8, Lô 11A, Khu Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
	PGD Hà Đông	07 Trần Phú, Quận Hà Đông, Hà Nội
	PGD Trần Khát Chân	298 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
	PGD Nguyễn Văn Cừ	168 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
	PGD Thanh Xuân	97 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
PGD Phương Liên	198 Phố Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	

CN BẮC NINH Địa chỉ: 18-20-22 Đường Nguyễn Cao, phường Tiên An, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	PGD Tiên An	10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiên An, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
CN BẮC GIANG		Lô 02 Nhà số 09, Đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CN THÁI NGUYÊN		142 đường Hoàng Văn Thụ, tổ 31, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
CN HƯNG YÊN Địa chỉ: Ngã Tư Phố Bần, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	PGD Phố Hiến	82 Chu Mạnh Trinh, Phường Hiến Nam, Tp Hưng Yên
CN HẢI PHÒNG Địa chỉ: số 02, lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Tp Hải Phòng	PGD Hải An - HP	52 Ngô Gia Tự, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
	PGD Trần Nguyên Hãn - HP	278M Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
	PGD Hồng Bàng - HP	155 Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
	PGD Ngô Quyền - HP	9F Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
	PGD Tô Hiệu - HP	206 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Tp Hải Phòng
CN QUẢNG NINH		Tổ 41, Khu 3, Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
CN THÁI BÌNH		458 Lý Bôn, Phường Đề Thám, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

6.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Mạng lưới khách hàng của NCB bao gồm các khách hàng cá nhân và tổ chức trải dài theo các mạng lưới hoạt động của Ngân hàng bao gồm:

- Các doanh nghiệp truyền thống của NCB
- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc mọi ngành kinh tế
- Các hộ kinh doanh cá thể, nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

NCB chú trọng phát triển mạnh các loại hình dịch vụ tín dụng, huy động vốn, thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử và các dịch vụ truyền thống khác. Dịch vụ tài trợ thương mại cũng được quan tâm một cách đặc biệt.

Hướng tới triết lý dịch vụ đơn giản, thân thiện, NCB coi trọng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, đồng thời đơn giản hóa cách thức đưa những sản phẩm, dịch vụ đó đến người tiêu dùng cuối cùng đã giúp lĩnh vực bán lẻ của NCB phát triển vượt trội trong thời gian qua.

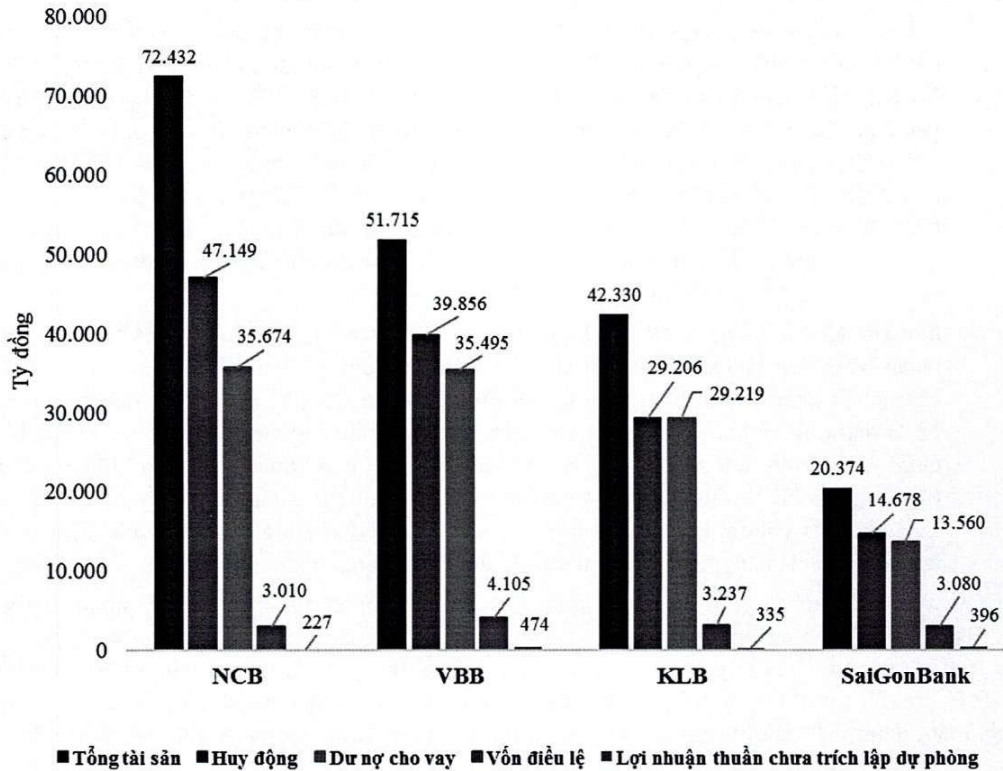
- **Đối với khách hàng cá nhân:** NCB đã cho ra đời hàng loạt sản phẩm tiện ích với những tính năng vượt trội đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng như: tiết kiệm truyền thống, tiết kiệm lũy tiến, tiết kiệm trả lãi định kỳ.... Đặc biệt, nhóm sản phẩm tiết kiệm gửi góp bao gồm: Mẹ yêu con, Tiết kiệm tích lũy là niềm sáng về phát triển khách hàng. Ngoài ra, NCB còn cho ra đời hệ thống các sản phẩm thẻ nhằm phục vụ tối đa nhu cầu thanh toán, mua sắm toàn cầu của mọi phân khúc khách hàng riêng biệt. Trong đó phải kể đến sản phẩm thẻ thanh toán quốc tế NCB Women Credit/Debit card hướng tới đối tượng khách hàng là nữ giới. Bên cạnh đó, cùng hệ thống mạng lưới chi nhánh được mở rộng qua các năm nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu gửi tiền của dân cư thuộc đối tượng khách hàng cá nhân.
- **Đối với khách hàng doanh nghiệp:** Với những bước phát triển đột phá trong hoạt động Ngân hàng bán lẻ, các sản phẩm cho vay liên tục được phát triển, cải tiến và phù hợp cho từng phân khúc khách hàng, hướng tới mục tiêu các sản phẩm cho vay doanh nghiệp của NCB đáp ứng và bao quát được toàn diện nhất mọi nhu cầu vay vốn của các khách hàng tổ chức. Điển hình như sự đa dạng về các hình thức tín dụng doanh nghiệp. Một số sản phẩm tín dụng của NCB như gói cho vay dành riêng cho công ty xuất khẩu dăm gỗ, doanh nghiệp xuất khẩu đá vôi đại lý sản xuất ô tô, Mặt khác, NCB cũng đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán quốc tế đa dạng như: nhờ thu xuất khẩu, nhờ thu nhập khẩu, L/C xuất, nhập khẩu.

Cùng với định hướng phát triển, mở rộng khách hàng doanh nghiệp và hộ cá nhân, trong năm 2018, NCB không ngừng đẩy mạnh công tác quản lý tín dụng, sử dụng các công cụ, phần mềm xét duyệt trực tuyến, công tác kiểm tra, giám sát cấp tín dụng, đốc thúc, tăng cường thu hồi nợ, xử lý nợ xấu tồn đọng phối hợp chặt chẽ từ Hội sở và Đơn vị kinh doanh, đẩy mạnh công tác đào tạo, đánh giá chất lượng cán bộ. Qua đó, NCB từng bước nâng cao chất lượng tín dụng của các Chi nhánh/Phòng giao dịch. Thực hiện tối đa hóa các tiện ích, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, NCB đã triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ nổi trội, tập trung đẩy mạnh phát triển theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của từng đối tượng khách hàng và địa bàn hoạt động. Song song với việc phát triển tín dụng, đẩy mạnh tín dụng theo sản phẩm, mở rộng khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, NCB không ngừng gia tăng các hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng khách hàng truyền thống, khách hàng mang lại lợi nhuận cho NCB.

6.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh

Với số lượng 35 Ngân hàng thương mại, 6 Ngân hàng liên doanh, 9 Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, khoảng 30 công ty công ty tài chính và cho thuê tài chính, hơn 1.000 quỹ tín dụng, cho thấy thị phần Ngân hàng Việt Nam đang diễn ra cuộc cạnh tranh gay gắt. Về hoạt động tín dụng và huy động vốn: NCB là một trong những ngân hàng có dư nợ cho vay và quy mô huy động lớn nhất trong nhóm các ngân hàng quy mô nhỏ, đặc biệt là huy động từ thị trường 1 – từ tiền gửi của khách hàng, đây là khoản huy động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn huy động của NCB, đảm bảo được tính an toàn ổn định. Về hệ thống mạng lưới, so với các ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô vốn tương đồng, NCB cũng là một trong những ngân hàng có hệ thống mạng lưới rộng khắp.

So sánh NCB với các ngân hàng có quy mô tương đương



Nguồn: EVS tổng hợp từ Báo cáo tài chính Quý IV năm 2018 của các ngân hàng

Để tăng sức cạnh tranh trong các dịch vụ cung cấp, cùng với mạng lưới phân phối rộng khắp và việc đẩy mạnh đầu tư công nghệ hiện đại trong các sản phẩm dịch vụ, NCB liên tục đưa ra các chương trình huy động và cho vay linh hoạt đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của các đối tượng, thiết lập mối quan hệ với các tổ chức định chế và các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt đồng thời tuân thủ quy định pháp luật.

6.3.4 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Phát triển sản phẩm, dịch vụ mới và hoạt động phi tín dụng

Với sự đầu tư nâng cấp hệ thống Ngân hàng lõi lên corebanking T24 và hoàn thiện các giải pháp thanh toán Ngân hàng điện tử, năm 2017 NCB đã nỗ lực đưa ra nhiều dịch vụ mới trên nền tảng ứng dụng Ngân hàng số NCB; bắt đầu thực hiện mô hình dịch vụ theo Hệ sinh thái khách hàng; tăng cường bán chéo/ bán thêm với các sản phẩm thu phí như Thẻ tín dụng Visa dành riêng cho phân khúc khách hàng phụ nữ, Bancassurance, sản phẩm chuyên biệt Đặc quyền phái đẹp đầu tiên ra mắt trên thị trường tài chính Việt Nam. Định hướng này đã tiếp tục giúp Ngân hàng đa dạng hóa nguồn doanh thu ngoài lãi, dịch chuyển dần cơ cấu doanh thu sang các nguồn từ dịch vụ. Trong đó đặc biệt có sự đóng góp mới đến từ dịch vụ tư vấn liên quan đến thẩm định tài sản đảm bảo, sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết với Previa, dịch vụ Ngân hàng số.

Đặc biệt, giải pháp Ngân hàng số của NCB đã được nâng cấp lên phiên bản mới (NCB 3.0) với ứng dụng thanh toán mã vạch QR Code (NCB là một trong số ít các ngân hàng tại Việt Nam có ứng dụng này). Năm 2017, ứng dụng Ngân hàng số NCB Smart đã được nhận danh hiệu Ngân hàng số tốt nhất Việt Nam - Best Digital Banking. Cụ thể số lượng IB và SMS user tăng trưởng tốt đạt mức 31% và 26% so với năm 2016 với tổng giá trị giao dịch thanh toán trên NCB smart đạt trên 153 tỷ đồng bao gồm thanh toán, nạp tiền và tiết kiệm online.

Trong năm 2017, NCB đã phối hợp với Tổng Cục thuế kết nối và triển khai thành công dịch vụ thu thuế điện tử qua NCB nhằm tăng thêm các gói dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp và tăng cường hỗ trợ thúc đẩy giao dịch qua NCB. Bên cạnh đó, NCB cũng liên tục cải tiến các sản phẩm nhằm hỗ trợ tăng thu phí dịch vụ cho Ngân hàng.

Phát triển thương hiệu và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Song song với việc chú trọng phát triển kinh doanh theo chiến lược Hiệu quả, năm 2017 NCB còn đạt được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động phát triển thương hiệu và nâng cao giá trị định vị của NCB trên thị trường tới các khách hàng, đối tác thông qua các chương trình nâng cao chất lượng dịch vụ tại quầy, chương trình Đồng hành Thở Bùng khát vọng cùng U23 Việt Nam, đặc biệt là chương trình Bright Monday - Ngày thứ 2 rực rỡ (chương trình trải nghiệm dịch vụ khách hàng đặc biệt vào các ngày thứ 2 đầu tuần) đã đạt được các kết quả như 99% khách hàng hài lòng về chương trình, 14.225 số lượng Khách hàng giao dịch trung bình trong tháng, tăng 24% số Khách hàng giao dịch so với ngày thường). Chuỗi chương trình thi đua như ngày tri ân thường niên cho đội ngũ Dịch vụ khách hàng, Gương mặt Chất lượng dịch vụ Đơn vị Chất lượng dịch vụ tiêu biểu, Cuộc thi Giao dịch viên tài năng 2017 tạo được sức ảnh hưởng lớn không chỉ các CBNV mà còn đem lại hình ảnh tốt đẹp giá trị thương hiệu của NCB tới khách hàng và đối tác.

Phát triển nguồn nhân lực và Văn hóa doanh nghiệp

Trong thời gian vừa qua NCB đã khởi động và bắt đầu triển khai một loạt các chính sách nhân sự mới nhằm giữ chân các cán bộ nguồn, tạo sự gắn bó lâu dài với NCB phát triển ổn định bền vững, như: chương trình Hipo, Hiper, chương trình giao lưu trực tiếp với Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành với toàn thể cán bộ nhân viên có thành tích tốt (Talkshow Những người tiếp lửa).

Đi đôi với việc hoàn thiện bộ máy cấp quản lý của các Khối, Trung tâm Hội sở, Giám đốc Vùng/chi nhánh và Trung tâm Kinh doanh, Ban điều hành NCB cũng đã được tăng cường và bổ sung thêm các thành viên mới (TGD, các Phó TGD, Ban Giám đốc các Khối) tạo luồng sinh khí, động lực, tinh thần làm việc cho NCB phát triển vững chắc theo định hướng chiến lược của HĐQT đã xác định.

7. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, 2017 và năm 2018

7.1. Báo cáo kết quả kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của NCB cũng đã đạt được những kết quả khá quan trọng giai đoạn 2016 – 2018.

Bảng 27: Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm năm 2017/2016	Năm 2018	% tăng giảm năm 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	69.011.009	71.841.565	4,10%	72.431.770	0,82%
2	Vốn và các quỹ	3.228.165	3.218.141	-0,31%	3.235.775	0,55%
3	Vốn điều lệ	3.010.216	3.010.216	0,00%	3.010.216	0,00%
4	Thuế và các khoản phải nộp	23.792	110.347	363,80%	154.930	72,97%
5	Thuế và các khoản đã nộp	20.983	88.073	319,74%	87.446	28,79%
6	Tổng thu nhập hoạt động	1.050.500	1.225.206	16,63%	1.224.026	-0,10%
6.1	Thu nhập lãi thuần	952.864	1.117.506	17,28%	981.173	-12,20%
-	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.561.013	4.437.486	24,61%	4.738.865	6,79%
-	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	2.608.149	3.319.980	27,29%	3.757.692	13,18%
6.2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	3.558	18.182	411,02%	25.421	39,81%
6.3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(60.346)	(26.857)		(21.786)	
6.4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28.007	110.022	292,84%	(22.034)	-120,03%
6.5	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	126.416	6.353	-94,97%	261.252	4012,26%
7	Chi phí hoạt động	839.344	959.550	14,32%	996.842	3,89%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	211.156	265.656	25,81%	227.184	-14,48%
9	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	82.705	62.009	-25,02%	63.963	3,15%
10	Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc ngân hàng	114.903	172.903	50,48%	72.382	-58,14%
11	Lợi nhuận trước thuế	13.548	30.744	126,93%	90.839	195,47%
12	Lợi nhuận sau thuế	10.839	21.955	102,56%	39.249	78,77%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Tổng giá trị tài sản, tổng vốn huy động và dư nợ cho vay của NCB có xu hướng tăng từ cuối năm 2016 đến cuối năm 2018. Năm 2017, thu nhập lãi thuần tăng 17,28% so với năm 2016, trong khi đó chi phí hoạt động tăng thấp hơn và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng vẫn giữ ở mức ổn định giúp cho khả năng sinh lời có xu hướng tăng tích cực. Khả năng sinh lời của NCB nói riêng và hệ thống ngân hàng giai đoạn này nói chung vẫn giữ được xu hướng tăng nhờ tăng trưởng tín dụng hồi phục trở lại, mặt bằng lãi suất và chi phí dự phòng ổn định. Tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng đang có xu hướng giảm xuống giúp thanh khoản toàn hệ thống được cải thiện, theo tính toán, nợ xấu trung bình ngành ngân hàng đã giảm từ 3,61% cuối năm 2013

xuống chỉ còn 2,7% cho đến cuối năm 2017. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2018 giảm 14,48% so với năm 2017. Chi phí các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc ngân hàng giảm đáng kể, giúp lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng 195,47% so với năm 2017.

Bảng 28: Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính của công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm năm 2017/2016	Năm 2018	% tăng giảm năm 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	69.048.305	71.907.133	4,14%	72.483.307	0,8%
2	Vốn và các quỹ	3.226.162	3.215.800	-0,32%	3.233.077	0,54%
3	Vốn điều lệ	3.010.216	3.010.216	0,00%	3.010.216	0,00%
4	Thuế và các khoản phải nộp	14.758	89.572	506,94%	152.291	70,02%
5	Thuế và các khoản đã nộp	12.011	67.899	465,31%	83.241	22,60%
6	Tổng thu nhập hoạt động	1.052.017	1.243.958	18,25%	1.239.548	-0,35%
6.1	Thu nhập lãi thuần	951.017	1.108.089	16,52%	978.817	-11,67%
-	<i>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	3.561.013	4.429.670	24,39%	4.738.865	6,98%
-	<i>Chi phí lãi và các chi phí tương tự</i>	2.609.996	3.321.581	27,26%	3.760.048	13,20%
6.2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(2.451)	18.182	-	25.421	39,81%
6.3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(60.346)	(26.857)		(21.786)	
6.4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28.007	110.022	292,84%	(22.034)	-120,03%
6.5	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	134.636	34.522	-74,36%	279.130	708,56%
6.6	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	1.154	-		-	
7	Chi phí hoạt động	841.029	979.009	16,41%	1.012.810	3,45%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	210.988	264.949	25,58%	226.738	-14,42%
9	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	82.705	62.009	-25,02%	63.963	3,15%
10	Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc ngân hàng	114.903	172.903	50,48%	72.382	-58,14%
11	Lợi nhuận trước thuế	13.380	30.037	124,49%	90.393	200,94%
12	Lợi nhuận sau thuế	10.935	21.615	97,67%	38.892	79,93%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của NCB

Năm 2016, NCB bắt đầu triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 với ba trọng tâm chiến lược là Hiệu quả - Đột phá – Gia tăng giá trị và đã đạt được những kết quả tích cực. Điểm sáng nổi bật là sự ghi nhận của Ngân hàng Nhà nước thông qua việc chấp thuận cho NCB được nâng cấp thêm 6 điểm giao dịch bao gồm 4 đơn vị cấp chi nhánh và 2 đơn vị cấp Phòng giao dịch. Định hướng trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu và nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp với môi trường làm việc tiên tiến cũng dần được khẳng định. Năng lực phục vụ khách hàng của NCB tiếp tục được nâng tầm với chuyển đổi mạnh mẽ về mô hình kinh doanh, thiết lập các trung tâm kinh doanh (khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp) theo phân khúc chuyên biệt tại từng điểm giao dịch.

Trong năm 2017, NCB xác định lấy tốc độ và chất lượng như một nguyên tắc hành động xuyên suốt cho các ưu tiên chiến lược về tăng cường dịch vụ khách hàng, củng cố năng lực tài chính, hoàn thiện mô hình kinh doanh, đẩy mạnh quản trị rủi ro và mở rộng hệ sinh thái đối tác, khách hàng nhằm mục tiêu bứt phá mạnh mẽ với chiến lược sản phẩm tập trung cho các phân khúc Nhà, Xe, Ngân hàng số và Bảo hiểm ngân hàng. Bên cạnh đó, NCB cũng chú trọng các giải pháp quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và xây dựng văn hóa doanh nghiệp mạnh như một lợi thế cạnh tranh khác biệt. Những nỗ lực nói trên đã góp phần mang lại cho NCB kết quả kinh doanh khởi sắc và mang tính bền vững hơn.

Là một trong những ngân hàng có dư nợ cho vay và quy mô huy động lớn nhất trong nhóm các ngân hàng quy mô nhỏ tuy nhiên kết quả kinh doanh của NCB trong những năm qua chưa thực sự ấn tượng do việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả, chi phí hoạt động hàng năm khá lớn. Hiện tại NCB cũng đang chú trọng thực hiện các giải pháp để quản lý chi phí hiệu quả hơn.

Bên cạnh những nhân tố nội tại ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thì các nhân tố bên ngoài cũng tác động đến NCB như tình hình kinh tế thế giới và trong nước, nợ xấu, tái cấu trúc và cạnh tranh trong ngành ngân hàng. Trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, tăng trưởng chậm hơn so với dự báo, tăng trưởng thương mại đạt thấp, giá dầu thô thất thường, nhu cầu và giá nông sản giảm mạnh... diễn biến giá dầu giảm xuống mức thấp kỷ lục và đặc biệt là việc các nền kinh tế lớn sẽ bắt đầu quá trình điều chỉnh tăng lãi suất các đồng tiền lớn sau một thời gian dài duy trì ở mức thấp kỷ lục. Những điều chỉnh chính sách lãi suất/tỷ giá của các quốc gia lớn có các tác động khó lường đối với sự dịch chuyển các dòng vốn cũng như sự biến động mặt bằng lãi suất/tỷ giá giữa các loại tiền tệ. Nền kinh tế Việt Nam đã có một năm tăng trưởng ấn tượng với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,81%, vượt mức mục tiêu 6,7% đưa ra từ đầu năm cũng như cao hơn so với mức tăng của các năm từ 2011 - 2016. Yếu tố góp phần vào tăng trưởng của năm nay đó là lợi nhuận của các ngân hàng đều rất tích cực. Đây là cơ hội chung nhưng cũng tạo ra áp lực cạnh tranh lớn giữa các ngân hàng.

Lộ trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng đang được tiếp tục triển khai theo kế hoạch, giảm số lượng các tổ chức tín dụng dưới chuẩn, cải thiện từng bước chất lượng, sức cạnh tranh toàn hệ thống và từng tổ chức tín dụng. Tháng 12 năm 2016, tổ chức đánh giá xếp hạng quốc tế Fitch Ratings công bố Báo cáo đánh giá về triển vọng ngành ngân hàng Việt Nam năm 2017, cho biết: các ngân hàng Việt Nam đã cải thiện hơn tình trạng “sức khỏe” của mình; đồng tiền Việt Nam ổn định và lạm phát trong ngưỡng an toàn. Sự cộng hưởng và tác động đa chiều của những thành tựu đã đạt được tạo nên những cơ hội và thách thức, cho phép kỳ vọng về những tập đoàn tài

chính - ngân hàng Việt Nam có tầm vóc hơn, có tính quốc tế và năng lực cạnh tranh cao. Nợ xấu mặc dù đã được xử lý trong những năm vừa qua tuy nhiên vẫn tiếp tục là áp lực lớn đối với lợi nhuận của toàn ngành. Các ngân hàng sau thời gian tái cấu trúc và củng cố hệ thống sẽ tập trung thúc đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao trên thị trường, đặc biệt là áp lực cạnh tranh sẽ diễn ra mạnh mẽ trong phân khúc ngân hàng bán lẻ.

8. Vị thế của NCB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ngân hàng

8.1. Vị thế của NCB trong ngành ngân hàng

Qua quá trình gần 23 năm phát triển, từ một ngân hàng nông thôn NCB đã chuyển mình để trở thành một ngân hàng thương mại cổ phần kinh doanh ngân hàng đầy đủ và từng bước khẳng định được vị thế thương hiệu trên thị trường tài chính – tiền tệ Việt Nam. Trong những năm qua NCB đạt được nhiều thành tích đáng kể như có Sản phẩm Mobile Banking/ Internet Banking của NCB đạt giải Tin và Dừng Việt Nam 2015, đạt thành tích là Ngân hàng có văn hóa doanh nghiệp sáng tạo nhất Việt Nam năm 2015, Ngân hàng Bán bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2015, Ngân hàng tư vấn tài chính tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn, Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Tạp chí International Finance Magazine bình chọn, và đặc biệt trong năm 2017 đạt cùng lúc 2 Giải thưởng Quốc tế danh giá Ngân hàng Số tốt nhất Việt Nam 2017 (Best Digital Bank Vietnam 2017) và Giải thưởng Top 10 Thương hiệu Vàng Hội nhập Châu Á – Thái Bình Dương 2017 (Top 10 Asia - Pacific Golden Brand 2017; Giải thưởng Cống hiến - Doanh nghiệp tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước do Hội doanh nghiệp tư nhân Việt Nam trao tặng; Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ SME tốt nhất năm 2017” (Best SME Service Bank 2017) của Tạp chí Global Business Outlook... Để đạt được những thành tích trên phải kể đến nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBNV đã định hướng, đóng góp và xây dựng một NCB ngày một vững mạnh, với các thế mạnh như:

- Ưu thế về cán bộ chủ chốt và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp: Đội ngũ nhân sự cao cấp của NCB là những cán bộ giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính ngân hàng, trình độ từ đại học trở lên, nhiều thành viên là các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính tiền tệ. Đội ngũ chuyên viên trẻ, nhiệt huyết có đạo đức nghề nghiệp tốt.
- Mô hình tổ chức hoạt động: được phát triển, triển khai theo hướng hiện đại, quản lý và phát triển theo khối, nâng cao vai trò quản lý theo ngành dọc của khối đảm bảo nguyên tắc cân bằng thu nhập – rủi ro – tăng trưởng – kiểm soát.
- Hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả: NCB tiếp tục tăng cường duy trì mô hình quản trị rủi ro 3 cấp đảm bảo mọi rủi ro trong hoạt động của NCB đều được nhận dạng, đánh giá, đo lường, kiểm soát, khắc phục, thực hiện theo dõi và báo cáo rủi ro trong suốt quá trình quản trị.
- Ưu thế về quy mô mạng lưới, kênh phân phối và năng lực bán hàng, dịch vụ: NCB đang tập trung chuyển đổi mạnh mẽ về mô hình tổ chức, quản trị đơn vị, mạng lưới từ Hội sở đến Phòng giao dịch (PGD) theo hướng tăng cường hiệu quả và chuyên môn hóa theo địa bàn, phân khúc khách hàng. Hiệu quả của các đơn vị đã được cải thiện rõ rệt với việc chuyển đổi địa điểm, tăng cường bộ nhận diện thương hiệu đồng nhất đối với chi nhánh (CN), PGD. Hệ thống mạng lưới, kênh phân phối của NCB đã được tái thiết kế theo chiến lược “điểm giao dịch cứng” gồm 91 Chi nhánh, PGD kết hợp với “kênh phân phối mềm” là các Trung tâm kinh doanh theo phân khúc khách hàng (KHCCN, KHDCN) và mô hình dịch

IPH
IOA
3T
T.

vụ linh hoạt Customer Service Team (CST) bố trí theo vùng, khu vực. Mô hình CST được NCB phát triển như một “vũ khí cạnh tranh” riêng và đóng góp phần rất lớn vào thành công trong việc đảm bảo giá trị cốt lõi là Tốc độ và Chất lượng, đáp ứng nhanh nhất giao dịch cho khách hàng. Việc chuyển đổi này đã tạo điều kiện để NCB không chỉ tăng số lượng kênh phục vụ khách hàng lên con số 143 điểm mà còn cải thiện rõ rệt về chất lượng bán hàng, dịch vụ. Bên cạnh đơn vị mạng lưới theo địa bàn truyền thống, năng lực phục vụ khách hàng của NCB cũng được tăng cường với việc nâng cấp và triển khai một loạt các tính năng giao dịch qua các kênh giao dịch đối tác, Internet và đặc biệt là các ứng dụng trên nền tảng di động NCB Smart.

- Ưu thế về nguồn huy động: Nguồn huy động của NCB rất đa dạng, từ khách hàng cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong đó nguồn huy động từ thị trường 1 chiếm tỷ trọng cao và tăng trưởng ổn định qua các năm, trong thời gian tới NCB thu hút thêm tiền gửi bằng chính sách đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng mạng lưới và nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- Ưu thế công nghệ: NCB đã thực hiện chuyển đổi và đưa vào vận hành thành công hệ thống core banking mới T24, một trong những giải pháp về nghiệp vụ ngân hàng đang được sử dụng bởi trên 600 định chế tài chính hàng đầu thế giới phát triển bởi tập đoàn công nghệ Temenos-Thụy Sĩ. Bên cạnh các module thông thường để phục vụ các nhu cầu nghiệp vụ, quản lý của ngân hàng truyền thống, hệ thống T24 mới này đã được NCB đầu tư toàn diện với các module tiên tiến về quản trị dữ liệu khách hàng, thông tin quản trị và đặc biệt là các ứng dụng ngân hàng số hiện đại Digital Banking. Việc chuyển đổi thành công hệ thống T24 sẽ là một bước đột phá lớn cho NCB trong việc phục vụ tốt hơn nhu cầu khách hàng, tăng cường năng lực cạnh tranh cũng như quản trị hiệu quả thông qua các tính năng vượt trội và nền tảng về phát triển sản phẩm mới, điều hành kinh doanh và quản trị rủi ro theo thông lệ tốt nhất.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tình hình hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong những năm trở lại đây đã được cải thiện nhờ vào kinh tế vĩ mô bắt đầu ổn định trở lại. Đặc biệt, với sự quyết liệt trong hành động của Chính phủ trong việc lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng trong thời gian vừa qua sẽ giúp cho cả hệ thống an toàn và phát triển bền vững hơn.

Trong khoảng thời gian từ 2016 đến nay, thu nhập lãi thuần vẫn chiếm tỷ trọng chính lớn trong Tổng thu nhập (tổng doanh thu) tại hệ thống ngân hàng, tỷ lệ bình quân khoảng 75-80%, và chính sách chung của hầu hết các ngân hàng trong những năm tới vẫn là đẩy mạnh hiệu quả hoạt động cho vay, tăng trưởng lãi thuần từ đó nâng cao lợi nhuận sau thuế. Ngoài việc thu nhập lãi thuần vẫn chiếm tỷ trọng lớn, thì tăng trưởng tín dụng trong hai năm liên tiếp của ngành ngân hàng đạt trên 18% cùng với việc thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo và nợ xấu được xử lý tích cực là tín hiệu rõ rệt của sự tăng trưởng trở lại của ngành ngân hàng trong 2 năm trở lại đây và tiếp tục là ngành có triển vọng cao trong các năm tới dựa trên những cơ sở sau:

- Cùng với việc áp lực nợ xấu giảm đã dẫn đến sự tăng trưởng của các ngân hàng sẽ được phản ánh thực chất hơn, cộng thêm việc ngày 21/6/2017 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD. Nghị quyết này đã tháo gỡ nhiều vướng mắc, góp phần tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn trong việc xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm. Không những thế, NHNN đang có xu hướng đẩy nhanh tốc độ xử lý nợ xấu hơn nữa để hoàn thiện quá trình tái cơ cấu.

- Chất lượng tín dụng đã được cải thiện. Mặc dù giới hạn tín dụng năm 2017 đã được NHNN nói lên mức 21% nhưng giới hạn tín dụng chung của toàn hệ thống chỉ đạt tầm 18% - 19%. Các Ngân hàng đã không còn chạy đua trần tín dụng như trước nữa, thay vào đó hệ thống đã cho vay hiệu quả hơn, đúng mục đích hơn giúp nền kinh tế hấp thụ tốt nguồn vốn.
- Lãi suất có thể vẫn được giữ nguyên nên các Ngân hàng có thể xác định hướng đi sắp tới chính xác hơn. Do nền kinh tế đang tăng trưởng tốt, nếu tăng lãi suất có thể ảnh hưởng đến tốc độ lưu chuyển dòng vốn. Trường hợp giảm lãi suất khó có thể xảy ra do hệ thống Ngân hàng chưa được tái cơ cấu hoàn chỉnh nên việc giảm lãi suất có thể làm tăng rủi ro cho hệ thống.

8.3. Đánh giá sự phù hợp trong định hướng phát triển của NCB so với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của NCB hoàn toàn phù hợp với chính sách điều hành của Chính phủ và định hướng tái cơ cấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng như xu hướng chung của thế giới. Trên cơ sở đó, NCB không ngừng đổi mới về hình thức, đa dạng hóa sản phẩm và không ngừng cập nhật, ứng dụng công nghệ hiện đại trên thế giới, cụ thể:

- Trong những năm trở lại đây, xu thế Fintech đã tái định hình ngành tài chính và có tác động mạnh mẽ đến các yếu tố quan trọng nhất trong ngành ngân hàng trên toàn thế giới. Không nằm ngoài xu thế đó, việc đẩy mạnh số hóa ngành ngân hàng là một trong số những chiến lược chủ chốt của NCB, đây là nền tảng quan trọng giúp NCB chuyển đổi mạnh mẽ, hướng tới tầm nhìn trở thành ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng khách hàng và hiệu quả hoạt động.
- Trong năm 2016, NHNN đã ban hành Thông tư số 06 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36 về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và Thông tư 41/2016/TT-NHNN trong đó có quy định cách tính hệ số CAR mới. Các quy định mới ban hành giúp lành mạnh hóa hệ thống, nhưng đồng thời cũng tạo áp lực tăng vốn để đảm bảo các tỷ lệ an toàn đối với các ngân hàng. Vì vậy, kế hoạch trong những năm tới, NCB đã đặt mục tiêu tăng mạnh vốn điều lệ, thông qua nhiều phương án cùng những mục tiêu về nâng cao tiêu chuẩn và chất lượng hoạt động, quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, cùng với việc tăng vốn, NCB sẽ đổi mới hoạt động để việc tiến tới áp dụng chuẩn Basel II được thuận lợi.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng và cơ cấu lao động

Tổng số lao động của NCB tính đến ngày 30/09/2018 là 2.024 người trong đó cơ cấu chi tiết phân bổ như sau:

Bảng 29: Cơ cấu lao động

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
Theo trình độ			
1	Trên đại học	122	6%
2	Đại học và Cao đẳng	1.805	89%

3	Trung + Sơ cấp	97	5%
Tổng cộng		2.024	100%
Theo giới tính			
1	Nam	856	42%
2	Nữ	1.168	58%
Tổng cộng		2.024	100%

(Nguồn: NCB)

9.2 Chế độ làm việc, chính sách đãi ngộ người lao động

Với quan điểm coi nguồn nhân lực là nhân tố thiết yếu, là thế mạnh giúp NCB có thể vươn lên dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, NCB luôn đặt mục tiêu hàng đầu là đẩy mạnh vào các hoạt động phát triển nhân lực. Chủ trương của NCB là luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho đội ngũ cán bộ nhân viên Ngân hàng có cơ hội để phát triển sự nghiệp.

- *Thời gian làm việc:* Ngân hàng tổ chức làm việc 44 giờ/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, cán bộ nhân viên có thể làm thêm giờ và được hưởng chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Người lao động được nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm và thai sản theo đúng quy định của Nhà nước và có tối thiểu 12 ngày nghỉ phép/01 năm làm việc tại Ngân hàng.
- *Điều kiện làm việc:* Ngân hàng trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện hiện đại cho nhân viên sử dụng làm việc và luôn cố gắng tạo điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất cho người lao động. Văn phòng, môi trường làm việc được thiết kế khang trang, ngăn nắp và đảm bảo vệ sinh an toàn.
- *Chính sách tuyển dụng:* Với phương châm nhân lực là nền tảng quan trọng nhất tạo nên thành công cho Ngân hàng, NCB đã xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng với những chính sách đãi ngộ, đề bạt thỏa đáng để thu hút nhân sự có năng lực cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.

Người lao động được sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Ngân hàng và trình độ, năng lực chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng chủ động sắp xếp lại nhân sự, điều chuyển và bố trí nhân sự phù hợp với mong muốn của cá nhân cũng như nhu cầu công việc của Ngân hàng. NCB cũng xây dựng hệ thống quy chế tuyển dụng tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.

- *Chính sách đào tạo:* Với phương châm luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, bên cạnh việc cử cán bộ nhân viên đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của Ngân hàng, NCB còn khuyến khích, tạo điều kiện thời gian để cán bộ nhân viên tự học tập nâng cao kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội.
- *Chính sách lương thưởng và phúc lợi:* Ngân hàng luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp công việc, và các khoản phúc lợi khác cũng như thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp, ..., tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Ngân hàng. Việc trả lương, thưởng cho người lao động trong Ngân hàng được thực hiện theo Quy chế lương thưởng của Ngân hàng. Người lao động được hưởng lương theo vị trí công việc, hiệu suất công việc và thành tựu đóng góp, cải tiến cho Ngân hàng. Tùy vào mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh và hiệu suất lao động, hàng năm Ngân hàng sẽ có thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết và hết năm tài chính, Ngoài ra, hàng năm Ngân hàng có tổ chức các đợt thăm quan, du lịch,...cho người lao động. Những chính sách khen thưởng, phúc lợi đãi ngộ đó có ảnh hưởng tích cực giúp người lao động hăng say làm việc và có tinh thần gắn bó lâu dài với Ngân hàng

9.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Ngày 26/04/2018, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng đã họp và ra Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 25/NQ.ĐHĐCĐ 2018 thông qua phương án tăng vốn điều lệ thêm 148.834.770.000 đồng thông qua việc phát hành 14.883.477 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên.

❖ Mục đích phát hành

- Thu hút lao động có trình độ cao, tạo sự gắn bó và gắn kết lợi ích cán bộ nhân viên (CBNV) với lợi ích của Ngân hàng;
- Tạo động lực cho cán bộ quản lý, Cán bộ nhân viên giỏi hoàn thành nhiệm vụ, cùng nhau góp sức trong sự nghiệp phát triển của Ngân hàng;
- Khuyến khích nâng cao vai trò, gắn kết trách nhiệm của cán bộ chủ chốt, cùng nhau chia sẻ thành công của Ngân hàng.

❖ Phương án phát hành cổ phiếu cho CBNV

- Số lượng chào bán: 14.883.477 cổ phiếu (Mười bốn triệu tám trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi bảy cổ phiếu)
- Giá trị theo mệnh giá: 148.834.770.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười ngàn đồng một cổ phiếu)
- Hạn chế chuyển nhượng cổ phần: Cổ phần chào bán cho CBNV không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Thời gian phát hành: Dự kiến Quý IV/2018 (sau khi được sự chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền)

Trên cơ sở phương án phát hành cổ phiếu cho CBNV đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định danh sách, tiêu chuẩn CBNV được tham gia chương trình.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của NCB và các quy định của pháp luật, việc chi trả cổ tức của Ngân hàng sẽ được thực hiện như sau:

- ❖ Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo các quy định của pháp luật từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội

đồng cổ đông.

- ❖ Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
- ❖ Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Ngân hàng sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản Ngân hàng khi Ngân hàng đã có thông tin chi tiết về Ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng thông tin chi tiết về Ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Ngân hàng chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
- ❖ Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- ❖ Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
- ❖ Ngân hàng không trả lãi suất hoặc bất cứ một khoản tiền nào khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của cổ đông tại Ngân hàng.

Tình hình chi trả cổ tức tại NCB trong năm 2016 - 2017 như sau:

Bảng 30: Tình hình chi trả cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tỷ lệ chi trả cổ tức (theo mệnh giá)	0%	0%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016, 2017 của NCB)

11. Tình hình tài chính

Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Vốn tự có			
Vốn điều lệ	3.010.216	3.010.216	3.010.216
Tỷ lệ an toàn vốn	10,58%	9,27%	9,58%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ xấu	1,48%	1,53%	1,67%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	40,14%	45,70%	49,30%
Tài sản sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	81,99%	80,34%	81,28%
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,42%	0,95%	2,82%
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	0,88%	0,86%	0,99%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	26,26%	59,14%	27,98%

(Nguồn: NCB)

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Vốn tự có			
Vốn điều lệ	3.010.216	3.010.216	3.010.216
Tỷ lệ an toàn vốn	10,45%	9,14%	9,41%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ xấu	1,48%	1,53%	1,67%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	40,12%	45,66%	49,26%
Tài sản sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	82,02%	80,34%	81,29%

CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ CHỨNG
 KHOÁN
 VIỆT NAM
 S.Đ.

h

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,42%	0,93%	2,80%
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	0,74%	0,87%	1,00%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	-18,32%	60,53%	28,12%
3. Khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	14,57%	15,84%	16,67%
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày VND	61,26%	76,81%	76,22%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	50,25%	43,04%	39,90%

(Nguồn: NCB)

Ngân hàng TMCP Quốc Dân đang trong giai đoạn tái cấu trúc nên đã áp dụng một số chính sách kế toán khác, phù hợp với tình hình tài chính của Ngân hàng. Trong ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất các năm 2016, 2017 của NCB, Đơn vị kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra các vấn đề cần nhấn mạnh để lưu ý người đọc đến các chính sách kế toán của NCB cụ thể như sau: “Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục IV.6 về chính sách kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ; mục IV.7.2 về chính sách kế toán bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), công ty mua bán nợ và các tổ chức khác; mục IV.8.3 về dự phòng các khoản đầu tư dài hạn; mục V.16 về vốn chủ sở hữu - khoản lợi nhuận chưa phân phối của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, việc phân loại nợ vay; trích lập dự phòng cụ thể, dự phòng đầu tư của các khách hàng cũ; và các khoản khác trước giai đoạn tái cấu trúc sẽ được xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng. Các chính sách này nằm trong đề án tái cấu trúc Ngân hàng đang được trình với các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc ghi nhận các khoản chênh lệch giữa giá bán nợ với giá gốc, thoái lãi dự thu của các khoản nợ đã bán sẽ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng”.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	0%
Vũ Mạnh Tiến	Phó chủ tịch HĐQT	0%
Lê Hồng Phương	Thành viên HĐQT	0%
Nguyễn Thị Mai	Thành viên thường trực HĐQT	0%
Trần Hải Anh	Thành viên HĐQT	4,1542%
Trần Kim Chung	Thành viên HĐQT	0%
Lê Xuân Nghĩa	Thành viên độc lập HĐQT	0%

❖ Ông Nguyễn Tiến Dũng

Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày sinh: **06/01/1966**
 Số 001066000467, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DL QG về dân cư, ngày cấp: 29/11/2013
 CMND:
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Nơi ở hiện nay: **Tổ 11 phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội**
 Trình độ chuyên môn: **Tiến sỹ Chuyên ngành vật lý lý thuyết, Quản trị kinh doanh**
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký phát hành: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990-1993	Viện năng lượng nguyên tử Quốc gia – Phòng Vật lý lý thuyết	Chuyên viên Nghiên cứu khoa học
1993-1997	Ngân hàng TMCP Á Châu	Phó giám đốc Chi nhánh ACB Hà Nội Giám đốc Chi nhánh ACB Hải Phòng
1993-2013	Tập đoàn Gami Group	Chủ tịch HĐQT
2001-2002	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (tiền thân là Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam) (VPBank)	Quyền Tổng giám đốc
2007- 2012	Trường Đại học kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội	Chủ nhiệm Khoa
2013 - 11/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Trưởng Ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng
11/2017 - nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: **Không có**

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:

- Sở hữu cá nhân: **0 cổ phần**
- Sở hữu đại diện: **0 cổ phần**
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Trần Hải Anh	Vợ	12.504.915	4,1542%

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 15.212 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0006% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 67.851 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0019% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Á Châu 74 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0000% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHCĐ hàng năm

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Ông Vũ Mạnh Tiến**

Họ và tên: **VŨ MẠNH TIẾN**
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 24/06/1963
 CMND: Số 011621830, nơi cấp: Công an TP Hà Nội ngày cấp: 20/12/2010
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: P1905, Chung cư Vườn Đào, 689 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật và Kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T3/1992 - T6/2008	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Trưởng phòng Vãng lai- Vụ Quản lý ngoại hối; Trưởng phòng Đầu tư nước ngoài- Vụ Quản lý ngoại hối; Phó phòng Quản lý Đầu tư nước ngoài- Vụ Quản lý ngoại hối; Phó phòng Quản lý Vay nợ và viện trợ nước ngoài - Vụ Quản lý ngoại hối; Trưởng nhóm Xử lý Tái cấu trúc nợ thương mại của Việt Nam trong khuôn khổ CLB London; Cán bộ phòng Quản lý Vay nợ và viện trợ nước ngoài - Vụ

		Quản lý ngoại hối;
T7/2008 - T10/2013	Ngân hàng TMCP Đại Á	Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Nguồn vốn, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư tài chính, thanh toán quốc tế và khách hàng cá nhân; phụ trách khu vực phía Bắc;
T11/2013 - T6/2015	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Miền bắc, kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn, kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.
T6/2015 - T4/2018	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc thường trực
T4/2018 đến 26/01/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc
T11/2017 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHCĐ hàng năm

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Ông Lê Hồng Phương**

Họ và tên:

LÊ HỒNG PHƯƠNG

Giới tính:

Nam

Ngày sinh:

25/2/1976

Hộ chiếu:

Số B8234132, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp, ngày cấp: 01/08/2013

Quốc tịch:

Việt Nam

Nơi ở hiện nay:

Phòng 702, NO.8, Khu đô thị Pháp Vân, Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân ngoại ngữ và cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2001	Trường ĐH Quản lý và kinh doanh Hà Nội	Giảng viên thỉnh giảng
2001 - 2002	Viện phát triển nguồn nhân lực quốc tế Synetics	Giám đốc nhân sự
2002 - 2004	Công ty tư vấn BFC và KPMG Singapore	Giám sát dự án
2004 - T10/ 2007	Ngân hàng Công thương Việt Nam	Thư ký hội đồng quản trị
T11/2007- T2/2009	Công ty quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn- Hà Nội (SHF)	Giám đốc phát triển kinh doanh
T3/2009- T4/2010	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Trợ lý Tổng Giám đốc
T5/2010 – T9/2014	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nhân sự; Phó Chủ tịch Hội đồng Công nghệ ngân hàng- Trưởng ban Công nghệ ngân hàng
T1/2015 đến T10/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối vận hành / Phó trưởng ban Chiến lược & phát triển ngân hàng;
Từ 18/10/2017 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Tổng Giám Đốc
Từ 26/04/2018 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên thường trực – Hội đồng Quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
 Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
 Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Bà Nguyễn Thị Mai**

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ MAI**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 25/04/1978
 CMND: Số 011937572, nơi cấp: Công an TP. Hà Nội, ngày cấp: 25/03/2013
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: Tập thể Công ty Vật tư, Tân Xuân – Xuân Đình – Từ Liêm – Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký phát hành: Thành viên Thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2003	Kế toán tổng hợp	Công ty Thiết bị điện Cửu Long
2004 – 2006	Công ty TNHH Gami Gas	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
2006 – 2013	Công ty CP Tài chính và Phát triển Doanh nghiệp	Giám đốc Tài chính
2013 – T11/2013	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Nguồn Vốn Giám đốc Trung tâm Khách hàng Chiến lược
Từ 06/02/2013 – 26/01/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám Đốc
Từ 24/04/2015 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên thường trực – Hội đồng Quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Hoa	Em gái	6.772.800	2,2499%

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
 Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
 Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHDCĐ hàng năm
 Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Bà Trần Hải Anh**

Họ và tên: **TRẦN HẢI ANH**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 01/11/1967
 CMND: Số 026167001604 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư, ngày cấp: 24/08/2018
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: Tổ 11, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Doanh nghiệp
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký phát hành: Thành viên HĐQT
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí tuệ Việt Nam
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1991 - 06/1991	Phim Điện Biên Phủ - Pháp	Phiên dịch trợ lý đạo diễn
07/1991 - 05/1992	Đài truyền hình trung ương	Cộng tác viên
06/1992 - 05/1995	Hãng ô tô Peugeot tại Hà Nội	Đại diện hãng oto Peugeot
06/1995 - 11/1995	Sircam companie	Thực tập
03/1996 - 12/2003	Cơ quan Phát triển Pháp	Phụ trách tài chính, kế toán
04/2004 - 09/2004	Ngân hàng TMCP Phương Nam	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
09/2004 - 09/2005	Ngân hàng TMCP Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh HN

09/2005 - 07/2008	Ngân hàng TMCP Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc
07/2008 - 12/2012	Ngân hàng TMCP Phương Nam	Ủy viên thường trực HĐQT, phụ trách khu vực Miền Bắc
12/2012 - 04/2013	Ngân hàng TMCP Phương Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Chi nhánh Giảng Võ
05/2013 - 02/2014	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Trưởng Văn phòng miền Bắc kiêm Chánh VP HĐQT
02/2014 - 12/2015	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Tổng Giám đốc
12/2015 - 12/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó chủ tịch thường trực HĐQT
12/2015 - 11/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Chủ tịch HĐQT
11/2017 - đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên Hội đồng quản trị
5/2018 – đến nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ trí tuệ Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 12.504.915 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,1542% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 2.981.766 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1582% vốn điều lệ
- CTCP Chứng khoán Thủ Đô: 653.471 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,6282% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành:

Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành:

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành:

Không có

❖ **Ông Trần Kim Chung**

Họ và tên:

TRẦN KIM CHUNG

Giới tính:

Nam

Ngày sinh: 02/06/1967
 CMND: Số 023741283, nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh, ngày cấp: 15/07/2009
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: 136 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Thành viên HĐQT
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Công ty CP Tập Đoàn C.T: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- + Công ty CP Quốc tế C&T: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- + Công ty CP Sinh Thái Văn Hóa Vĩnh Lộc : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- + Lãnh sự Danh dự Bồ Đào Nha tại Hà Nội (cấp bởi Bộ Ngoại Giao hai nước Việt Nam và Bồ Đào Nha);
- + Thành viên BCH của Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Phó Chủ tịch Hiệp hội Hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản tại TP.HCM;
- + Phó Chủ tịch Hiệp hội Hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc tại TP. HCM;
- + Phó Chủ tịch Hiệp hội Hữu nghị Việt Nam – Malaysia;
- + Phó Chủ tịch Hiệp hội Bất Động Sản TP. HCM nhiệm kỳ III (2016-2021).

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 – 1986	Kinh doanh xưởng sản xuất bánh và kem	Chủ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất
1986 – 1991	Kinh doanh dịch vụ cung cấp ẩm thực cho 5 trường	Chủ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất
1991 – 1993	Saigon Trading Co. (STC)	Tổng Giám đốc
1993 – 2006	C&T Corporation	Tổng Giám đốc
2006 – nay	Tập đoàn CT Group	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:
- CTCP Công ty Cổ Phần Quốc tế C&T Nha Trang 300.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,57% vốn điều lệ
 - CTCP Bất động sản CT 193.900.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 47,85% vốn điều lệ
 - CTCP Quốc tế C&T 17.132.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,16% vốn điều lệ
 - CTCP Tập Đoàn CT 500.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 83,34% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Ông Lê Xuân Nghĩa**

- Họ và tên: **LÊ XUÂN NGHĨA**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/02/1952
- CMND: Số D0010176, nơi cấp: Công an TP Hà Nội, ngày cấp: 03/11/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi ở hiện nay: Tập thể Ban vật giá chính phủ, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Thành viên độc lập HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Tổ Chuyên gia tư vấn Thủ tướng, Thành viên Hội đồng tư vấn Tài chính – Tiền tệ quốc gia

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1976 – 1983	Ủy Ban Vật giá Nhà nước	Chuyên viên
1983 – 1986	Trường ĐH Meserburg (Đức)	Nghiên cứu sinh
1987 – 1994	Hội đồng tư vấn Tài chính – Tiền tệ quốc gia	Thành viên
	Viện Nghiên cứu Thị trường - Ủy Ban Vật giá	Phó Viện trưởng, Viện

	Nhà nước	trưởng
1988 – 2006	Hội đồng tư vấn Tài chính – Tiền tệ quốc gia	Thành viên
	Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ	Thành viên
1990	Công hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Tư vấn của Thủ tướng Chính phủ
1997 – 2008	Vụ Chiến lược Phát triển NHNN	Vụ trưởng
	Hội đồng tư vấn Chính sách Tài chính – Tiền tệ quốc gia	Thành viên
11/2008 – 2012	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia	Phó Chủ tịch
	Hội đồng tư vấn Chính sách Tài chính – Tiền tệ quốc gia	Thành viên
2012 – nay	Hội đồng tư vấn Tài chính – Tiền tệ quốc gia	Thành viên
	Tổ chuyên gia tư vấn của Thủ tướng	Thành viên

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:

- CTCP Xây dựng Trường Giang: 2.900.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,6% vốn điều lệ
- CTCP Xuất nhập khẩu NHP: 4.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,8% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành:

Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành:

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành:

Không có

12.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ
Trần Thị Hà Giang	Trưởng ban Kiểm soát	0%

Vũ Kim Phượng	Thành viên BKS	0%
Lê Trọng Hiếu	Thành viên BKS	0%

❖ **Bà Trần Thị Hà Giang**

Họ và tên: **TRẦN THỊ HÀ GIANG**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 16/11/1977
 CMND: Số 001177009413, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư, ngày cấp: 30/05/2016
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: Số 48 Ngõ 135 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Trưởng Ban Kiểm soát
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1999 – 08/2002	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	Nhân viên Phòng Kế toán
08/2002 - 06/2004	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	Phó Phòng kế Toán
06/2004 – 01/2009	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	Phó Phòng Kiểm soát nội bộ
01/2009 - 08/2012	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ
Đồng thời từ tháng 04/2006 - 08/2012	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	Thành viên Ban kiểm soát
08/2012 - 05/2013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội (SHB)	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
08/2013 - 5/2014	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
05/2014 - 04/2018	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
04/2018 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Trưởng ban Kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày

11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHCĐ hàng năm
- Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Bà Vũ Kim Phượng**

- Họ và tên: **VŨ KIM PHƯỢNG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/10/1976
- CMND: Số 013215452, nơi cấp: Công an TP Hà Nội, ngày cấp: 08/07/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi ở hiện nay: P717 CT4B Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Thành viên Ban Kiểm soát, Phó ban phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2003	Công ty TNHH Dệt Nhuộm Trung Thu	Kế toán
2004 – 2012	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Phó phòng Kiểm toán nội bộ
2012 – 2013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Phó phòng Kiểm toán nội bộ
2013 – 2014	Công ty CP Len Hà Đông	Kế toán trưởng
14/11/2014 đến 24/04/2015	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch
Từ 24/4/2015 đến	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên Ban kiểm soát

26/04/2018		
27/04/2018 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó Phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:

Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành:

Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành:

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành:

Không có

❖ **Ông Lê Trọng Hiếu**

Họ và tên:

LÊ TRỌNG HIẾU

Giới tính:

Nam

Ngày sinh:

14/11/1974

CMND:

Số 025181831, nơi cấp: Công an TP. HCM, ngày cấp: 25/09/2009

Quốc tịch:

Việt Nam

Nơi ở hiện nay:

19/2U đường số 4, P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Khoa Học Ứng Dụng Tây Bắc Thụy Sĩ (University of Applied Science Northwestern Switzerland)

Chức vụ đang nắm giữ tại NCB:

Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

10/1997 – 07/1998	Công ty Kujin	Kế toán Tổng hợp
7/1998 – 05/2002	Chi nhánh Biti's Hồ Chí Minh	Phó phòng Kế toán
05/2002 – 05/2004	Chi nhánh Biti's Lào Cai	Kế toán trưởng
05/2004 – 05/2005	Công ty Biti's	Phó phòng kế toán kiêm Trưởng Ban kiểm soát nội bộ
05/2005 – 05/2008	Công ty Bayer Việt Nam	NV kế toán
05/2008 - 05/2009	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	Kế toán trưởng
05/2009 – 04/2010	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	Chuyên viên Phân tích Tài chính
04/2010 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Thành viên Ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

12.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ
Lê Hồng Phương	Tổng Giám đốc	0%
Dương Thị Lê Hà	Phó Tổng Giám đốc	0%
Hoàng Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc	0%
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc	0%
Phạm Thế Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	0%
Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	0%
Đỗ Thị Thanh Hường	Kế toán trưởng	0,6853%

❖ Ông Lê Hồng Phương: Như đã nêu ở mục 12.1 Hội đồng quản trị

❖ Bà Dương Thị Lê Hà

Họ và tên:	DƯƠNG THỊ LỆ HÀ
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	30/08/1974
CMND:	Số 001174000538, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư; ngày cấp: 26/05/2015
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi ở hiện nay:	Phòng 1903, tầng 19, chung cư B4 Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại NCB:	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác:	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 2004	Ngân hàng TMCP ACB Hà Nội	Kiểm soát giao dịch Trưởng phòng giao dịch Kiểm toán nội bộ
2004 – 2013	Ngân hàng TMCP Phương Nam	Giám đốc Chi nhánh Cầu Giấy Giám đốc Chi nhánh Thanh Xuân Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Phó Tổng Giám đốc
2013 – T4/2018	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Trưởng Ban Kiểm soát
T4/2018 đến nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:	Không có
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành:	Không có

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ Ông Hoàng Tuấn Tú

Họ và tên: **HOÀNG TUẤN TÚ**
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 30/11/1977
 Căn cước công dân: Số 001077018433, nơi cấp: Hà Nội, ngày cấp: 23/2/2018
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: Căn hộ 4.9, chung cư I9 Vinaconex 1, đường Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Quá trình công tác tại:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2002	Agribank Chi nhánh Hà nội	Cán bộ tín dụng
12/2004 – 05/2006	Agribank Chi nhánh Hà nội	Phó phòng Marketing
06/2006 – 07/2008	Hutchison Việt Nam (Mạng viễn thông di động Vietnamobile)	Giám đốc phụ trách kinh doanh Vùng Miền Nam, Miền Bắc
08/2008 – 04/2014	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	Phụ trách Trung tâm bán miền Bắc; GD bán lẻ Vùng 1, GD Khu vực 3 Hà nội
05/2014 – 08/2017	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank)	Phó Giám đốc Khối KHCN kiêm Giám đốc KV Hà Nội
11/2017 – 01/2018	Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)	Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Bán lẻ và phân khúc SME
02/2018 – nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp

Hành vi vi phạm pháp luật:

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
 Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Không có
 Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Ông Nguyễn Hồng Long**

Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG LONG**
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 30/10/1976
 CMND: Số 111298230, nơi cấp: Hà Nội, ngày cấp: 15/03/2008
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: TT 12 A30, Khu Đô Thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác tại:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2000 – 03/2001	Ngân hàng ABN AMRO	Chuyên viên Nguồn Vốn
04/2001 – 02/2002	KPMG	Kiểm toán viên
03/2002 – 02/2003	Ngân hàng ANZ	Chuyên viên cao cấp Kinh doanh Nguồn vốn
03/2003 – 01/2010	Ngân hàng ABN AMRO	Phó chủ tịch điều hành, Giám đốc Kinh doanh Thị trường Tài chính trong nước
01/2010 – 05/2015	Ngân hàng Techcombank	Phó chủ tịch điều hành, Giám đốc Kinh doanh Thị trường Tài chính
06/2015 – 07/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính

08/2017 – nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính
---------------	-------------------------	--

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Không có

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Ông Phạm Thế Hiệp**

Họ và tên: **PHẠM THẾ HIỆP**
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 01/01/1969
 CMND: Số 030742282, nơi cấp: Hải Phòng, ngày cấp: 19/04/2006
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: 19/116 Cát Cụt, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Giám đốc CST Vùng Duyên Hải
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác tại:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1991 - 1995	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Cán bộ tín dụng, Phó Phòng, Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế

1995 - 2002	Ngân hàng Á Châu ACB	Phó giám đốc Chi nhánh Hải Phòng
2002 - 2014	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, GD Khu vực
05/2014 – 06/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Khu vực kiêm Giám đốc CN Hải Phòng
07/2016 – 08/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Giám đốc TTDN Hải Phòng kiêm Giám đốc CST Vùng Duyên Hải
09/2016 – 01/2018	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Giám đốc CST Vùng Duyên Hải.
02/2018 – nay:	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Giám đốc CST Vùng Duyên Hải

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:

- Ngân hàng TMCP Á Châu 229.0000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ 18.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ
- Công ty CP Tập đoàn Containet Việt Nam 12.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành:

Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành:

Không có

Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành:

Không có

❖ Ông Nguyễn Đình Tuấn

Họ và tên:

Nguyễn Đình Tuấn

Giới tính:

Nam

Ngày sinh: 07/11/1980
 CMND: Số hộ chiếu B4588321, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, ngày cấp: 14/10/2010
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: 89E, 72/73, Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Quá trình công tác tại:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2002 – 11/2002	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	Nhân viên bán hàng
11/2002 – 04/2005	CTCP Xây dựng Công trình 1 – Cienco 1	Kế toán viên
04/2005 – 12/2006	CTCP Xây dựng Công trình 1 – Cienco 1	Phó Phòng Tài chính kế toán
02/2007 – 10/2007	Ngân hàng TMCP An Bình	Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp
11/2007 – 03/2011	Ngân hàng TMCP An Bình	Trưởng phòng Giao dịch Hà Đông
03/2011 – 12/2011	Ngân hàng TMCP An Bình	Trưởng phòng Giao dịch Hà Đông & Hoàng Cầu
01/2012 – 12/2012	Ngân hàng TMCP An Bình	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Trưởng phòng Giao dịch của Phòng Giao dịch Hà Đông và Hoàng Cầu
01/2013 - 06/2013	Ngân hàng TMCP An Bình	Trưởng Phòng giao dịch Hà Đông
08/2013-07/2014	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
07/2014-02/2015	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Chi nhánh Bắc Ninh
02/2015-07/2015	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Quyền Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
07/2015-01/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
02/2016-01/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Trung tâm Vận hành Bà Triệu
02/2016-01/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc CST Vùng Hà Nội kiêm Chi nhánh Hà Nội
02/2016-01/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Trung tâm Doanh nghiệp Hà Nội
01/2017-01/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc CST Khu vực Bắc Hà Nội
10/2017-01/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc Bán lẻ Khu vực Bắc Hà Nội
26/01/2019 - nay		Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến nay:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Ngân hàng
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
 Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
 Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành: Không có
 Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Bà Đỗ Thị Thanh Hương**

- Họ và tên: **ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 25/08/1977
 CMND: Số 011874878, nơi cấp: Hà Nội, ngày cấp: 28/05/2011
 Quốc tịch: Việt Nam
 Nơi ở hiện nay: Phòng 909 nhà No.3 Trần Quý Kiên, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Đại học
 Chức vụ đang nắm giữ tại NCB: Kế toán trưởng
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 Quá trình công tác tại:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2005	Công ty XNK và XD NLN	Kế toán tổng hợp
2005 - 2013	Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội	Phó phòng kế toán
03/2014 – 11/2014	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Phòng kế toán
12/2014 – 07/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Quyền kế toán trưởng
08/2016 - nay	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Kế toán trưởng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành tính đến ngày 11/10/2018:

- Sở hữu cá nhân: 2.063.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,6853% vốn điều lệ của Ngân hàng
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

	của Ngân hàng/0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:	Không có
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký phát hành:	Không có
Lợi ích liên quan với tổ chức đăng ký phát hành:	Cổ đông sở hữu 2.063.000 cổ phần

13. Tài sản

13.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng 33: Thống kê tài sản cố định hữu hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	44.394	7.774	36.620
Máy móc thiết bị	124.667	47.736	76.931
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	51.963	32.360	19.603
Thiết bị dụng cụ quản lý	72.842	42.937	29.905
Tài sản cố định khác	1.652	858	794
Tổng	295.518	131.665	163.853

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Bảng 34: Thống kê tài sản cố định hữu hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	44.394	7.774	36.620
Máy móc thiết bị	124.667	47.736	76.931
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	51.298	32.341	18.957
Thiết bị dụng cụ quản lý	72.842	42.937	29.905
Tài sản cố định khác	1.652	858	794
Tổng	294.853	131.646	163.207

(Nguồn: BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018)

13.2 Tài sản cố định vô hình

Bảng 35: Thống kê tài sản cố định vô hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	381.139	208	380.931
Phần mềm máy tính	57.858	26.380	31.478
Tài sản vô hình khác	54.682	16.032	38.650
Tổng	493.679	42.620	451.059

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Bảng 36: Thống kê tài sản cố định vô hình đến thời điểm 31/12/2018 theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	381.139	208	380.931
Phần mềm máy tính	57.758	26.308	31.450
Tài sản vô hình khác	54.682	16.032	38.650
Tổng	493.579	42.548	451.031

(Nguồn: BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 37: Kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	% tăng/giảm
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	4.738.865	6.028.000	27,20%
2	Lợi nhuận sau thuế	39.249	40.000	1,91%
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	0,83%	0,66%	
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	1,22%	0,55%	
5	Cổ tức	0%	0%	

Nguồn: NCB

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều rủi ro và biến động, NCB đưa ra kế hoạch kinh doanh cẩn trọng, đảm bảo được những mục tiêu chủ đạo như:

Thực hiện 3 mục tiêu chiến lược được đề ra để làm định hướng cho toàn bộ hoạt động trong năm 2018 của Ngân hàng là Hiệu quả, Đột phá và Bền vững. Theo đó 6 tháng đầu năm, toàn hệ thống tập trung ngay cho 2 mục tiêu Hiệu quả, Bền vững và thực hiện mục tiêu Đột phá vào 6 tháng cuối năm. Đảm bảo điều kiện tiên quyết cho các mục tiêu này là yêu cầu về tăng cường năng lực tài chính thông qua việc tăng vốn điều lệ, xử lý nợ xấu hiệu quả để làm lành mạnh, tăng khả năng sinh lời của bảng cân đối và kiểm soát chặt chẽ rủi ro, chất lượng tín dụng. Để thực hiện các mục tiêu trên NCB sẽ tập trung vào các nhóm giải pháp chính:

- Đạt 100% các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, duy trì các chỉ số tuân thủ rủi ro theo quy định của NCB và NHNN.
- Tập trung thực hiện được các mục tiêu theo Đề án tái cơ cấu Ngân hàng gắn liền với xử lý nợ xấu trên cơ sở phê duyệt của NHNN; triển khai thực hiện các chỉ đạo, định hướng của NHNN đối với NCB trong năm 2018.
- Tiếp tục củng cố bộ máy quản trị điều hành và điều chỉnh cơ cấu tổ chức các đơn vị Hội sở theo hướng hiệu quả và tăng cường hơn nữa vai trò định hướng kinh doanh, cảnh báo và kiểm soát rủi ro.
- Tiếp tục tăng khả năng sinh lời và lành mạnh hóa cơ cấu bảng cân đối tài sản; đa dạng hóa doanh thu và tăng tỷ trọng nguồn thu phi tín dụng.
- Tiếp tục kiểm soát chặt chi phí, tăng năng suất lao động toàn hệ thống thông qua việc tăng năng lực đội ngũ nhân sự, quy trình quản lý hiệu quả làm việc; tái cấu trúc các đơn vị mạng lưới, tinh gọn cơ cấu và đơn giản hóa quy trình, tối đa hóa các ứng dụng tự động trong quản trị và nghiệp vụ.
- Tập trung tạo đột phá với các phân khúc, mô hình kinh doanh mới về phân khúc SME, tín chấp, khách hàng ưu tiên, khách hàng chiến lược về nguồn vốn và trải nghiệm Ngân hàng số.
- Phát triển khách hàng theo hướng bền vững, ổn định; tối đa lợi ích từ phân khúc chiến lược và tái định vị đến phân khúc tạo margin cao hơn với khả năng tăng nhanh về quy mô; tăng cường bán chéo giữa các nhóm khách hàng, tăng số sản phẩm/ giao dịch và thu nhập trên một khách hàng.
- Đơn giản hóa quy trình, cải cách thủ tục hành chính và tăng ứng dụng tự động từ các giải pháp kỹ thuật đồng thời với việc nâng cao hiệu quả, chất lượng phối hợp xử lý công việc giữa các cấp/ đơn vị.
- Cấu trúc lại danh mục huy động theo hướng hiệu quả và bền vững, đặc biệt phải tạo sự tăng trưởng rõ rệt về tiền gửi không kỳ hạn (CASA), tỷ trọng tiền gửi KHDN.
- Điều chỉnh danh mục cho vay, định hướng phát triển tín dụng theo hướng hạn chế, giảm các tỷ trọng cho vay trung dài hạn, các nhóm ngành nghề và loại tài sản đảm bảo thuộc nhóm rủi ro cao.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thu hồi nợ; tăng cường quản trị rủi ro tác nghiệp

tại các khâu, các nghiệp vụ tại các đơn vị thông qua cơ chế kiểm soát sau, kiểm soát chéo và trách nhiệm của mỗi cấp quản lý.

- Hoàn thiện và áp dụng hệ thống chấm điểm, xếp hạng tín dụng khách hàng và hệ thống phê duyệt tín dụng tự động LOS.
- Xây dựng môi trường làm việc với văn hóa mạnh, quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự có chuyên môn, nhạy bén với thị trường và năng lực quản trị rủi ro, trong đó đặc biệt quan trọng là ý thức đạo đức nghề nghiệp.
- Tăng cường năng lực vốn, tài chính thông qua việc tăng vốn và hợp tác thành công với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và bút phá về quy mô tương ứng với năng lực tài chính mới.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quốc Dân cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Ngân hàng đang hoạt động. Nếu không có những biến động bất thường hay yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Ngân hàng đã đề ra trong năm 2018 là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngân hàng sẽ thực hiện các thủ tục niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch trên thị trường có tổ chức theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về thị trường chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Bảng 38: Cam kết ngoại bảng theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018
1	Bảo lãnh vay vốn	-
2	Cam kết giao dịch hối đoái	13.122.710
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	-
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	-
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	13.122.710
	<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>	-
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	-

4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	124.445
5	Bảo lãnh khác	2.644.624
6	Các cam kết khác	185.000
Tổng		16.076.779

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý IV năm 2018)

Bảng 39: Cam kết ngoại bảng theo báo cáo tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018
1	Bảo lãnh vay vốn	-
2	Cam kết giao dịch hối đoái	13.122.710
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	-
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	-
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	13.122.710
	<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>	-
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	124.445
5	Bảo lãnh khác	2.644.624
6	Các cam kết khác	185.000
Tổng		16.076.779

(Nguồn: BCTC công ty mẹ quý IV năm 2018)

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán : 199.438.599 cổ phần

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 184.555.122 cổ phần
- Chào bán cho cán bộ, nhân viên : 14.883.477 cổ phần

4. Giá chào bán dự kiến

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 10.000 đồng/cổ phần
- Chào bán cho cán bộ, nhân viên : 10.000 đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ, nhân viên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng thông qua tại Nghị quyết số 25/2018/NQ.ĐHĐCĐ 2018 ngày 26/04/2018.

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở giá trị sổ sách của Công ty tại ngày 31/12/2017.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

✓ Giá trị sổ sách của NCB tại thời điểm 31/12/2017

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 297.669.552 cổ phiếu
- Vốn chủ sở hữu (Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017) : 3.218.141.000.000 đồng
- Giá trị sổ sách : **10.811 đồng/cổ phiếu**

✓ Giá trị sổ sách của NCB tại thời điểm 31/12/2018:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 297.669.552 cổ phiếu
- Vốn chủ sở hữu (Theo BCTC hợp nhất Quý IV năm 2018) : 3.235.775.000.000 đồng
- Giá trị sổ sách : **10.870 đồng/cổ phiếu**

✓ Giá giao dịch bình quân 10 phiên gần nhất tính đến ngày 28/11/2018 là: 10.240 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên là phù hợp khi so sánh với giá trị sổ sách và giá trị thị trường của cổ phiếu NCB. Góp phần đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng, tạo sự gắn bó và động lực cho CBNV, vừa tăng tính hấp dẫn và khả năng thành công của đợt chào bán.

6. Phương thức phân phối

❖ **Phân phối cho cổ đông hiện hữu**

- Tổ chức phát hành thực hiện phân phối cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:
 - + Phát hành 184.555.122 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100 : 62, theo đó mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được mua 62 cổ phiếu phát hành thêm. Tổng số cổ phiếu Cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - + Thời gian đặt mua, chuyển nhượng quyền mua và địa điểm làm thủ tục sẽ được thông báo sau khi có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông có quyền mua trong đợt chào bán có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình 01 (một) lần cho tổ chức/cá nhân khác và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông không được tiếp tục chuyển nhượng quyền mua này. Việc chuyển nhượng quyền mua phải đảm bảo các quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan.
- Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không được đăng ký mua hết
 - + Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và số cổ phiếu chào bán không cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua đăng ký mua hết: Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước của một tổ chức tín dụng, cũng như các quy định khác có liên quan. Số lượng cổ phiếu phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/ NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ.

Lưu ý: Việc chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phiếu dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng Quy định tại Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan.

- + Trong trường hợp hết thời hạn phân phối theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn, nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy phát hành và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành, vốn điều lệ của Ngân hàng sẽ theo số cổ phiếu thực tế phát hành.

❖ **Phân phối cho cán bộ, nhân viên**

- Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách CBNV được mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được mua.
- CBNV có tên trong danh sách CBNV được mua cổ phiếu nhưng không mua chỉ được

chuyển nhượng quyền mua cho cán bộ công nhân viên khác có tên trong danh sách CBNV được CBNV được mua cổ phiếu.

- Tại thời điểm chào bán cổ phiếu, nếu CBNV được mua cổ phiếu chấm dứt Hợp đồng lao động với Ngân hàng thì sẽ không được mua cổ phiếu như đã phê duyệt.
- Số lượng cổ phiếu mà CBNV không đăng ký mua hoặc không thanh toán mua hoặc không còn quyền được mua sẽ được HĐQT phân phối tiếp cho các CBNV khác có tên trong danh sách CBNV được mua cổ phiếu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Dự kiến quý I năm 2019, sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ triển khai thực hiện phương án phân phối cổ phiếu cho các đối tượng nêu trên.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- ❖ **Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:** Ngân hàng sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán theo đúng quy định.
- ❖ **Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:** Người mua không bị hạn chế số lượng đăng ký mua tối thiểu. Tuy nhiên, người mua chỉ được đăng ký số lượng mua tối đa bằng số lượng được phép mua theo thông báo của NCB (Trừ các trường hợp nhận chuyển nhượng quyền mua theo quy định).
- ❖ **Phương thức thanh toán:**
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán;
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký và CBNV sẽ thực hiện nộp tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Ngân hàng theo hướng dẫn của NCB.
- ❖ **Chuyển giao cổ phiếu:** Sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, toàn bộ cổ phiếu phát hành sẽ được đăng ký bổ sung tại VSD, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và quản lý theo thông báo của NCB.
- ❖ **Quyền lợi của người mua cổ phiếu:**
 - Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông khác của NCB kể từ ngày được ghi nhận vào Sổ đăng ký cổ đông.
 - Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ trường hợp số lượng cổ phiếu lẻ hoặc không bán hết được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm);

9. Phương thức thực hiện quyền

Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu (đối với phát hành cho cổ đông hiện hữu) và các cán bộ nhân viên có tên trong Danh sách cán bộ nhân viên được quyền mua cổ phiếu (đối với phát hành cho cán bộ

nhân viên) thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài chỉ thực hiện quyền mua nếu đảm bảo tuân thủ các giới hạn quy định tại Nghị định 01/2014/NĐ-CP ký ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, cụ thể:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một Ngân hàng thương mại Việt Nam.

Hiện nay, chưa có văn bản Pháp luật quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo những mã ngành, nghề kinh doanh mà Ngân hàng đăng ký và NCB cũng chưa có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa. Tuy nhiên, Nghị định số 01/2014/NĐ-CP nêu trên có quy định tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Như vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân là 30% vốn điều lệ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân cam kết sẽ tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 01/2014/NĐ-CP nêu trên.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ đông có quyền mua trong đợt chào bán có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền mua cổ phiếu của mình 01 (một) lần cho các tổ chức các nhân khác và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông không được tiếp tục chuyển nhượng quyền mua này;
- CBNV có tên trong danh sách CBNV được mua cổ phiếu nhưng không mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho cán bộ công nhân viên khác có tên trong danh sách CBNV được mua cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu NCB chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBNV trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Sau khi kết thúc chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu mà xuất hiện cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn hoặc Ngân hàng không bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số lượng cổ phiếu này sau khi được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan

- ❖ NCB chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành là 20%.
- ❖ NCB áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng là 10%;
- ❖ NCB chịu mức thuế môn bài bậc 1 theo căn cứ trên mức vốn điều lệ đăng ký.

❖ Thuế chuyển nhượng chứng khoán:

✓ Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Nhà đầu tư trong nước:

+ Áp dụng mức thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc

+ Áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần

Việc áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

- Nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

✓ Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

- Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

❖ Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tên đơn vị thụ hưởng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân

Số tài khoản: 0301000413246

Nơi mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

- Giúp NCB đảm bảo việc tuân thủ các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, nâng cao khả năng phòng ngừa các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động;
- Mở rộng mạng lưới hoạt động, đảm bảo quy định về mức vốn bình quân cho mỗi chi nhánh của NHNN;
- Giúp NCB tăng cường năng lực tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; từ đó nắm bắt được cơ hội đầu tư, gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng. Đồng thời, việc tăng vốn điều lệ giúp NCB gia tăng giới hạn cho vay đối với khách hàng, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu về vốn cho các khách hàng;
- Thu hút nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư chiến lược để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và triển khai kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn tiếp theo.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến khoảng 1.994.386 triệu đồng sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

- Đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Ngân hàng: dự kiến 99,936 tỷ đồng, chiếm 5,01% tổng khối lượng vốn huy động dự kiến;
- Đầu tư cơ sở vật chất công nghệ: dự kiến 150 tỷ đồng, chiếm 7,52% tổng khối lượng vốn huy động dự kiến;
- Tăng vốn bổ sung cho Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân (AMC): dự kiến 100 tỷ đồng, chiếm 5,01% tổng khối lượng vốn huy động dự kiến;
- Bổ sung nguồn vốn tự có để cho vay trung và dài hạn: dự kiến 1.644,45 tỷ đồng, chiếm 82,45% tổng khối lượng vốn huy động dự kiến.

Căn cứ tình hình thực tế và lợi ích của Ngân hàng, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về phương án điều chỉnh này.

1. Thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu

Thay đổi đồng bộ bộ nhận diện thương hiệu, định vị NCB là ngân hàng bán lẻ hiện đại, chuyên nghiệp.

- Tái thiết kế hình ảnh và nội thất hệ thống chi nhánh và phòng giao dịch, đem lại trải nghiệm mới lạ cho khách hàng.
- Tạo dựng sự khác biệt và cá tính riêng cho thương hiệu NCB trên thị trường, thu hút các đối tượng khách hàng riêng, khai mở và dẫn đầu một phân khúc thị trường mới.
- Hoàn thành và quảng bá bộ nhận diện thương hiệu mới chuyên nghiệp, hiện đại.
- Tìm kiếm và tìm mua văn phòng mới ổn định lâu dài tại các địa bàn mà chi nhánh đã phát triển.

Tính đến thời điểm hiện tại, mạng lưới NCB bao gồm: 01 Hội sở chính; 24 chi nhánh; 66 phòng giao dịch. Chi phí thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu toàn bộ Ngân hàng dự kiến là 99,936 tỷ đồng, theo đó kế hoạch dự kiến Quý II/2019 sẽ đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Hội sở

chính, 05 chi nhánh và 22 phòng giao dịch, Quý III/2019 sẽ thực hiện thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu 07 chi nhánh và 22 phòng giao dịch, để Quý IV/2019 sẽ đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu cho 12 chi nhánh và 22 phòng giao dịch. Chi tiết kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu của NCB như sau:

Bảng 40: Kế hoạch sử dụng vốn đầu tư thay đổi và xây dựng hình ảnh thương hiệu

TT	Kế hoạch sử dụng vốn	Giá trị (triệu đồng)
1	Biển hiệu, thiết kế hình ảnh	29.981
2	Bàn ghế, máy tính và nội thất	19.987
3	PR Marketing nhận diện thương hiệu	29.981
4	Tập huấn, đào tạo văn hóa cho cán bộ công nhân viên	19.987
Tổng cộng		99.936

2. Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ

Cùng với việc đầu tư thay đổi đồng bộ bộ nhận diện thương hiệu, NCB cũng chú trọng với các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cụ thể:

- Đầu tư phát triển "Công nghệ Ngân hàng", triển khai dự án hiện đại hóa tin học, gia tăng các tiện ích ngân hàng trực tuyến dựa trên nền tảng công nghệ cao.
- Điện tử hóa tất cả sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân, đầu tư phát triển theo chiều sâu các sản phẩm dịch vụ mới.
- Đầu tư vào công nghệ: liên tục tập trung nghiên cứu, đầu tư để áp dụng các công nghệ hiện đại cho cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống xử lý làm nền tảng mạnh mẽ để triển khai các sản phẩm dịch vụ bán lẻ thông qua các phương tiện điện tử phổ biến.

Chi tiết kế hoạch sử dụng vốn để đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ của NCB như sau:

Bảng 41: Kế hoạch sử dụng vốn đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ

TT	Kế hoạch sử dụng vốn	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Máy chủ/Server	25.000	Quý II/2019
2	Hệ thống thẻ, nâng cấp	50.000	Quý II/2019 và Quý III/2019
3	Ngân hàng số (Digital banking)	37.500	Quý III/2019 và Quý IV/2019
4	Hệ thống báo cáo quản trị (Business Intelligence + Datawarehouse)	37.500	Quý I/2019 và Quý II/2019
Tổng cộng		150.000	

3. Tăng vốn bổ sung cho AMC

NCB dự kiến tăng vốn bổ sung cho Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân (AMC) 100 tỷ đồng với thời gian góp vốn dự kiến Quý III/2019.

4. Bổ sung nguồn vốn tự có để cho vay trung và dài hạn

Hiện tại có nhiều dự án trung và dài hạn thuộc các đối tượng là các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả; các khách hàng truyền thống của NCB đang cần vốn đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất công nông nghiệp, công nghệ cao, mở rộng sản xuất xuất nhập khẩu, xây dựng hạ tầng cơ sở trên địa bàn Hải Dương, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu và các địa bàn hoạt động khác của NCB mà hiện tại nguồn vốn huy động trung và dài hạn của Ngân hàng chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn, do đó NCB sẽ dành ra 1.644,45 tỷ đồng vốn tự có dự kiến tăng thêm do tăng vốn điều lệ để đầu tư cho các dự án trung và dài hạn. Thời gian giải ngân tùy thuộc tình hình kinh doanh của Ngân hàng và quy định cho vay với từng ngành nghề kinh doanh.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Trụ sở chính: 28C – 28D phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: (084-24) 6269 3355 - Fax: (084-24) 6269 3535 - Website: www.ncb-bank.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3.8329.129 - Fax: (028) 3.834.2957

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3772 6699 - Fax: (84-24) 3772 6763 - Website: eves.com.vn

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục II:** Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
4. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và công ty mẹ năm 2016, năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ quý IV năm 2018
5. **Phụ lục V:** Tài liệu khác liên quan



Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng

Lê Hồng Phương

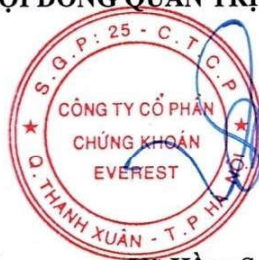
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Hà Giang

Đỗ Thị Thanh Hương

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Hồng Sơn